CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (061) 384 3316

Fax: (061) 384 7149

Website: www.dowaco.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN

CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2015

NỘI DUNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị

Định hướng phát triển

Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Thông tin cổ đông

Tác động đến môi trường và xã hội

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BĐH và BKS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2015

Ý kiến của Cơ quan kiểm toán

Báo cáo tài chính và Thuyết minh Báo cáo tài chính

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin mô hình quản trị

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	**Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai**
Tên Tiếng Anh	Dong Nai Water Joint Stock Company
Tên viết tắt	DOWACO
Giấy CNĐKDN số	3600259296
Vốn điều lệ	1.000.000.000.000 đồng (Một ngàn tỷ đồng)
Trụ sở chính	Số 48 Cách mạng tháng 8, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại	(061) 384 3316
Số fax	(061) 384 7149
Website	http://www.dowaco.vn
Email	capnuocdongnai@dowaco.vn
Mã cổ phiếu	DNW

BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC CHÍNH LÀ BẢO VỆ CUỘC SỐNG CỦA BẠN
TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN KCN
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
(DOWACO)

AN TOÀN

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1928

Năm 1928, nhà máy nước Biên Hòa do người pháp thiết kế và xây dựng với công suất là 1.450 m3/ ngày

1967

Năm 1967, Cơ quan viện trợ của chính phủ Úc tài trợ xây dựng thêm 1 cụm xử lý mới với công suất 15.000 m3/ngày. Tổng công suất là 16.500 m3/ngày

1977

Năm 1977, Ban điện nước Long Khánh trực thuộc Công ty Công nghiệp Đồng Nai bàn giao cho Công ty khoan cấp nước Đồng Nai quản lý. Công ty khoan cấp nước Đồng Nai đã cải tạo nâng cấp thêm trạm bơm giếng ngầm, cấp nước phục vụ cho hơn 1.500 hộ dân với công suất tăng lên 2.740m3 /ngày

1987

Tháng 2/1987, thanh lập Xí nghiệp khai thác nước Xuân Lộc tách khỏi Công ty khoan cấp nước Đồng Nai và trực thuộc UBND huyện Xuân Lộc. Xí nghiệp xây dựng thêm 2 trạm bơm nước, công suất 3.300m3 /ngày

1990

Những tháng đầu năm 1990 cũng là giai đoạn khó khăn nhất, đối với Công ty khoan cấp nước Đồng Nai, do ảnh hưởng của cơ chế bao cấp. Trong điều kiện xã hội đang chuyển biến, nhưng Công ty chuyển đổi không kịp. Nội bộ Công ty hoạt động mất ổn định, tình hình cấp nước không đảm bảo yêu cầu của xã hội. UBND tỉnh Đồng Nai quyết định giải thể Công ty khoan cấp nước và thành lập mới Công ty cấp nước Đồng Nai vào tháng 4/1990

1993

Năm 1993, Công ty cấp nước Đồng Nai mở rộng nhà máy nước Biên Hòa từ 22.000 m3/ngày lên 36.000 m3/ngày để tăng nguồn nước cung cấp cho các khu dân cư của thành phố Biên Hòa

1996

Năm 1996, Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương lao động hạng III cho CB-CNV Công ty xây dựng cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1992-1996 góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc

2005

Năm 2005, Huân chương lao động hạng II cho CB-CNV Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2001-2005 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ tổ quốc

2014

Năm 2014, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Đồng Nai. UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2744/QĐ-UBND ngày 05/9/2014 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên cấp nước Đồng Nai thành công ty cổ phần

2015

Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần vào ngày 01/01/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/12/2014

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản.

Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.

Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước.

Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước.

Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.

Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15 mm đến 100 mm (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Điều hành tua du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Địa bàn kinh doanh

Công ty cấp nước Đồng Nai hiện đang sản xuất và cung cấp nước sạch, hoạt động xây dựng lắp đặt đường ống cấp nước trên địa bàn Thành phố Biên Hòa, rộng khắp các huyện thuộc tỉnh Đồng Nai và các khu vực lân cận.

THÔNG TIN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Ngày 05/09/2014, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 2744/QĐ-UBND, phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên cấp nước Đồng Nai thành Công ty cổ phần;

Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/01/2015, căn cứ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/12/2014 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/12/2014.

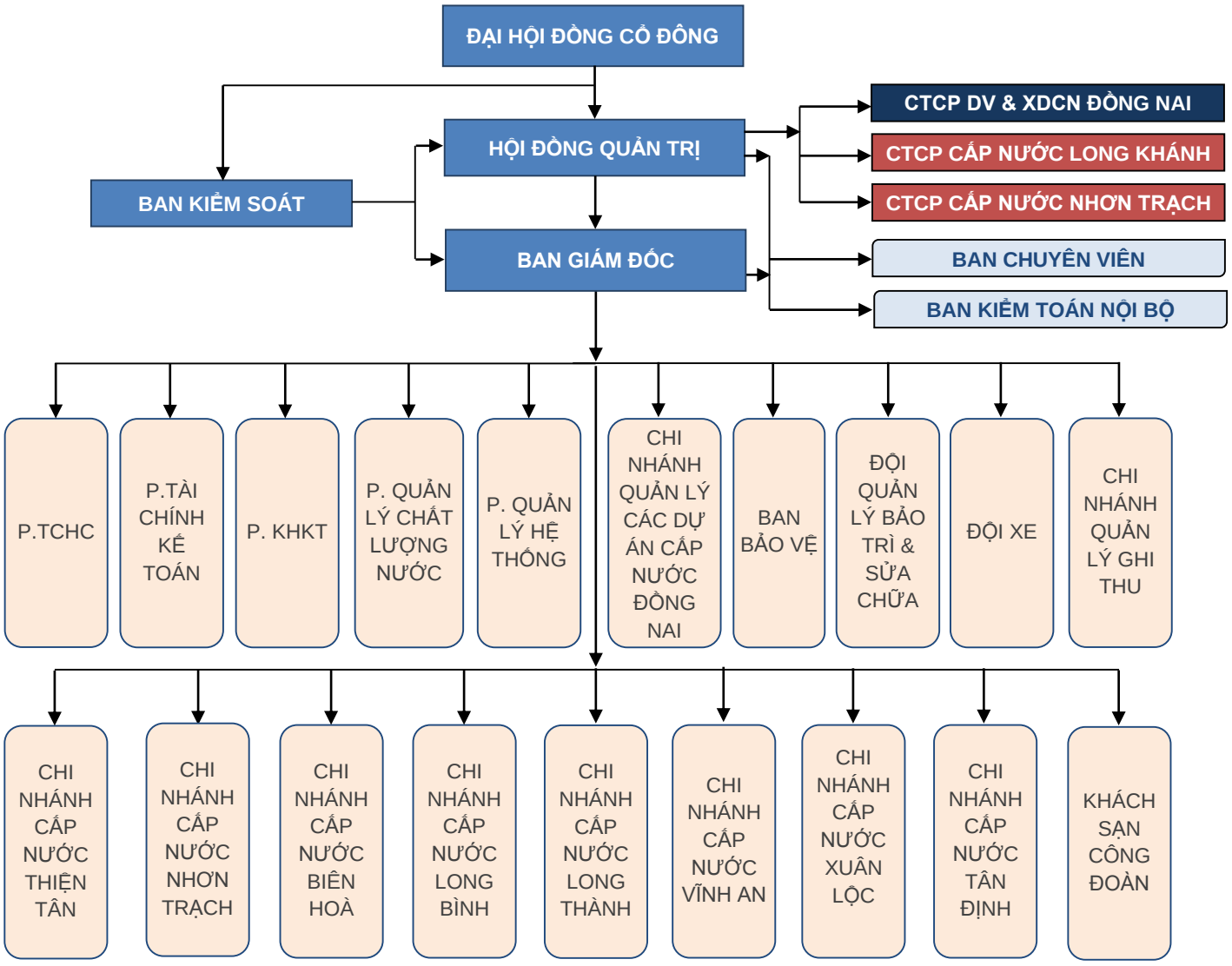

: Công ty liên kết

: Công ty con

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tốc độ phát triển kinh tế nhanh. Các trung tâm, thị trấn thị tứ, các đô thị và khu công nghiệp trong tỉnh ngày càng phát triển sẽ thúc đẩy ngành cấp nước phát triển theo để đáp ứng nhu cầu cấp nước cho sự phát triển đó. Căn cứ Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 21/01/2014. Do đó mục tiêu chủ yếu của Công ty là đầu tư các dự án cấp nước và phát triển khách hàng, Công ty sẽ tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh với các mục tiêu cụ thể:

- Đầu tư phát triển nguồn nước theo quy hoạch được duyệt từ các nguồn vốn vay ODA, vốn tự có, vốn vay thương mại, vốn vay ưu đãi, vốn huy động của khách hàng và vốn của các chủ đầu tư khác.
- Thực hiện triển khai các dự án đầu tư hệ thống cấp nước để cung cấp cho các khu vực thị xã, thị trấn, khu vực dân cư tập trung, khu vực dân cư hưởng chính sách ưu đãi để mở rộng phạm vi cung cấp nước và tăng đối tượng sử dụng nước sạch.
- Đầu tư nâng công suất các nhà máy nước bằng các hình thức mở rộng, cải tạo, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới.
- Đầu tư mở rộng, cải tạo hệ thống cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống dưới 10% vào năm 2020, nâng tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 99% vào năm 2020.
- Thực hiện nâng cao trình độ quản lý hệ thống cấp nước, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà máy nước, hệ thống phân phối, hệ thống quản lý khách hàng, quản lý hệ thống mạng lưới phân phối bằng phương pháp áp dụng công nghệ thông tin (quản lý theo công nghệ GIS).
- Quản lý tốt chất lượng vật tư, thiết bị, nguyên liệu, tài chính, nhân lực, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý để tăng cường chất lượng dịch vụ đối với khách hàng, đơn giản hóa thủ tục hành chính.
- Tăng cường chức năng bảo trì, sửa chữa thiết bị trên mạng lưới khi áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý.
- Hỗ trợ các Công ty cổ phần có vốn góp của Công ty về mặt kỹ thuật, nguồn vốn, nhân lực để các Công ty cổ phần đảm đương tốt nhiệm vụ phát triển và cung cấp nước đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của dân cư và khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

-

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các dự án phát triển nguồn, mạng lưới cấp nước

Các dự án phát triển nguồn

- Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2, công suất 100.000m3/ngày.
- Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2, công suất 100.000m3/ngày.
- Dự án HTCN Vĩnh Cửu, công suất 15.000m3/ngày.
- Mở rộng HTCN thị trấn Gia Ray huyện Xuân Lộc từ 4.800m3/ngày lên 7.000m3/ngày.
- Nâng công suất nhà máy nước Vĩnh An từ 3.000m3/ngày lên 5.000m3/ngày.
- Hệ thống cấp nước thị trấn Long Giao huyện Cẩm Mỹ.

Các dự án phát triển mạng lưới cấp nước

- Hệ thống cấp nước xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu:
- Dự án Hệ thống cấp nước xã Trị An - Vĩnh Tân.
- Dự án Hệ thống cấp nước xã Tam Phước.
- HTCN 03 xã Tân Bình, Bình Lợi và Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu.
- HTCN phường Tân Phong.
- HTCN xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa (giai đoạn 1).
- HTCN phường Long Bình Tân.
- Hệ thống cấp nước thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu.
- Xây dựng đường ống cấp nước ấp Ông Hường, Thiện Tân, Vĩnh Cửu.
- Dự án HTCN trường Sỹ quan lục quân 2.

-

Rủi ro kinh tế

Năm 2015 là một năm nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng tiếp tục giai đoạn phục hồi sau suy thoái toàn cầu. Tổng thể nền kinh tế nước nhà đã có những chuyển biến tương đối tích cực. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 tăng 6,68%, vượt xa mức dự kiến 6,2% giao đoạn đầu năm. Chỉ số tiêu dùng CPI tiếp tục được kiểm soát, thúc đẩy tiêu dùng trong nước.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Năng lực cạnh tranh vẫn chưa được cải thiện, việc tiếp cận với nguồn vốn vẫn còn nhiều bất cập. Các rào cản thương mại giữa các nước đang phát triển so với các nước phát triển vẫn còn khá lớn, thêm vào đó là việc thắt chặt chi tiêu công cũng tác động lớn đến doanh nghiệp trong nước.

Riêng đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, các yếu tố trên không tác động quá lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do nước được xếp vào dạng hàng hóa sinh hoạt thiết yếu, gắn liền với quá trình phát triển đất nước và luôn nằm trong danh mục khuyến khích phát triển của Chính phủ. Tuy nhiên cũng không vì thế mà các doanh nghiệp ngành cấp nước chủ quan, xem thường các yếu tố rủi ro kinh tế.

Rủi ro do tỷ lệ thất thoát nước cao

Đối với các doanh nghiệp ngành cấp nước, tỷ lệ thất thoát nước luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu. Nước rò rỉ được phân theo hai dạng chính là loại dễ thấy (nước tràn trên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, đường ống nước có đoạn đi qua cầu, qua suối…) nên việc kiểm soát thất thoát rất khó khăn. So sánh với các nước trong cùng khu vực, tỷ lệ thất thoát nước tại Việt Nam luôn nằm trong nhóm cao, gây lãng phí lớn. Nguyên nhân thất thoát nước lớn là do hệ thống đường ống cấp nước ở nhiều đô thị quá cũ, có nhiều tuyến ống trên 30 năm sử dụng, bị rò rỉ nước ở mức cao và có cả sự gian lận trong sử dụng nước. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân còn thiếu ý thức chấp hành quy định như gian lận… khi sử dụng nước dẫn đến nguồn nước sạch bị thất thoát trầm trọng. Tỷ lệ thất thoát nước cao gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như lãng phí nguồn tài nguyên thiên nhiên quốc gia.

CÁC RỦI RO

Rủi ro về giá cả

Đặc thù ngành cung cấp nước là ngành dịch vụ công cộng và thuộc sự kiểm soát của Nhà nước. Vì vậy, giá bán nước cung cấp cho dân cư và các khách hàng chịu sự kiểm soát giá nước của Nhà nước. Với phương án giá đã được phê duyệt, Công ty chịu rủi ro về giá khá cao nếu không kiểm soát được tỷ lệ thất thoát nước, chi phí vận hành hệ thống và khả năng gìn giữ nguồn nguyên liệu nước thô vốn đang ngày càng khan hiếm.

Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là nguồn nước mặt, nước ngầm tự nhiên. Nguồn nước thô nguyên liệu chủ yếu từ sông Đồng Nai, chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi hai mùa mưa nắng khác nhau. Sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước thô ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xử lý nước của Công ty. Nước sông có nguy cơ nhiễm mặn cao tác động rất lớn đến nguồn nguyên liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất. Tốc độ đô thị hóa nhanh kéo theo nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân ngày càng gia tăng, trong khi bề mặt đất ngày càng bê tông hóa, làm thu hẹp diện tích bổ sung nước từ nguồn nước mưa cho mạch nước dưới đất, giảm khả năng tái tạo nguồn nước ngầm bị khai thác. Ngoài ra tình trạng ô nhiễm nước do hoạt động nông nghiệp và công nghiệp cũng đang tạo ra thách thức không nhỏ cho Công ty trong việc đảm bảo nguồn nước sạch cung cấp.

Rủi ro luật pháp

Tuân thủ quy định pháp luật là một trong những tiêu chí hàng đầu, là kim chỉ nam trong việc định hướng hoạt động của Công ty. Với những đặc thù của Công ty cổ phần hoạt động trong ngành cấp thoát nước, những hoạt động của Công ty đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế, Luật Tài nguyên nước, Luật bảo vệ môi trường, v.v... cùng với các quy định, tiêu chuẩn về an toàn và chất lượng nguồn nước. Tuy nhiên, do hệ thống pháp luật Việt Nam và cơ chế quản lý đang trong quá trình hoàn thiện nên các rủi ro về mặt pháp lý vẫn luôn hiện hữu và đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động trong công tác nghiên cứu, cập nhật nhanh chóng các quy định pháp lý để vận dụng phù hợp, hạn chế những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đang trong giai đoạn đầu hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, những thay đổi trong các luật lệ mới phần nào ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và công tác quản trị Công ty.

Rủi ro khác

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu các rủi ro liên quan đến biến động tình hình chính trị, xã hội, chiến tranh, bệnh dịch… làm ảnh hưởng đến mức độ ổn định của thị trường và khách hàng. Các rủi ro này có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng luôn chú trọng đề phòng, xây dựng các giải pháp ứng phó đối với các rủi ro bất khả kháng khác trong hoạt động (thiên tại, hỏa hoạn…) nhằm giảm thiểu thiệt hại, giữ an toàn về người, tài sản và hoạt động cho Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Thông tin cổ đông

Tác động đến môi trường và xã hội

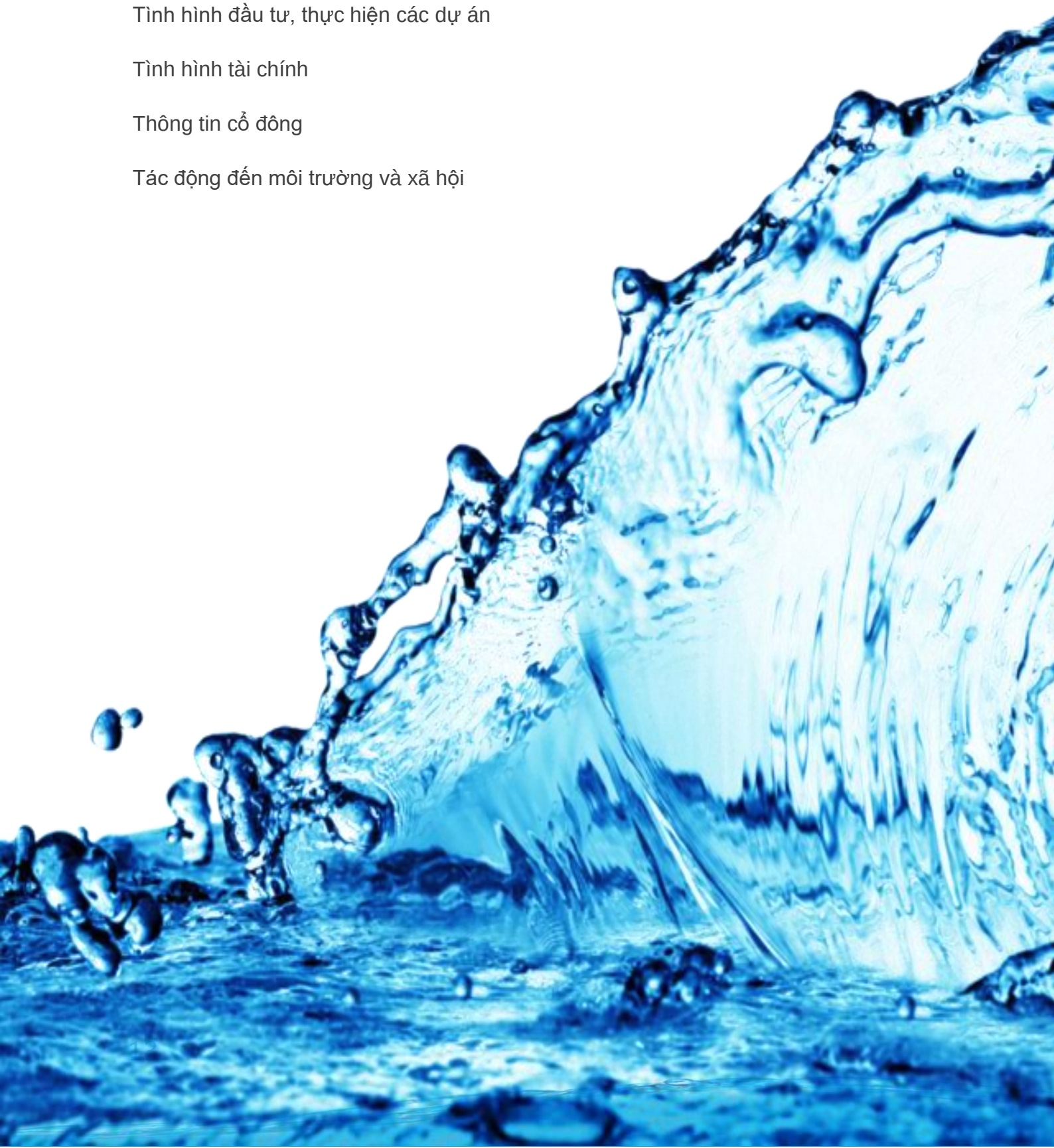

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả kinh doanh Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	So với năm 2014 (%)	So với kế hoạch (%)
1	**Doanh thu**	**Tr. Đồng**	**591.262**	**653.450**	**724.438**	**128,2**	**111,0**
a	Sản xuất nước máy	Tr. Đồng	532.398	626.450	675.080	126,8	107,8
b	Xây lắp	Tr. Đồng	25.458	18.000	37.293	146,5	207,1
c	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Tr. Đồng	33.406	9.000	12.065	36,1	143,1

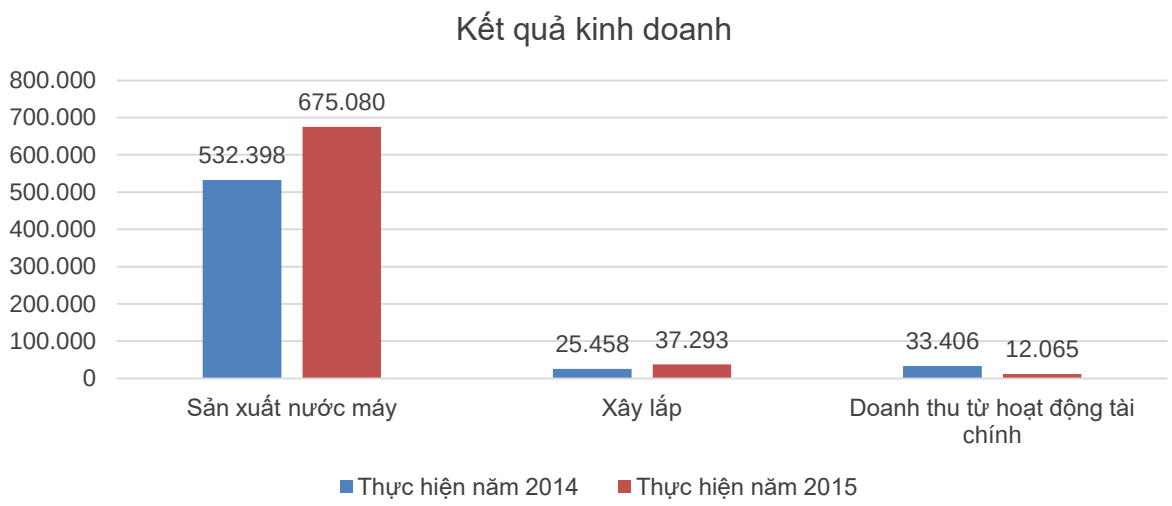

Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ

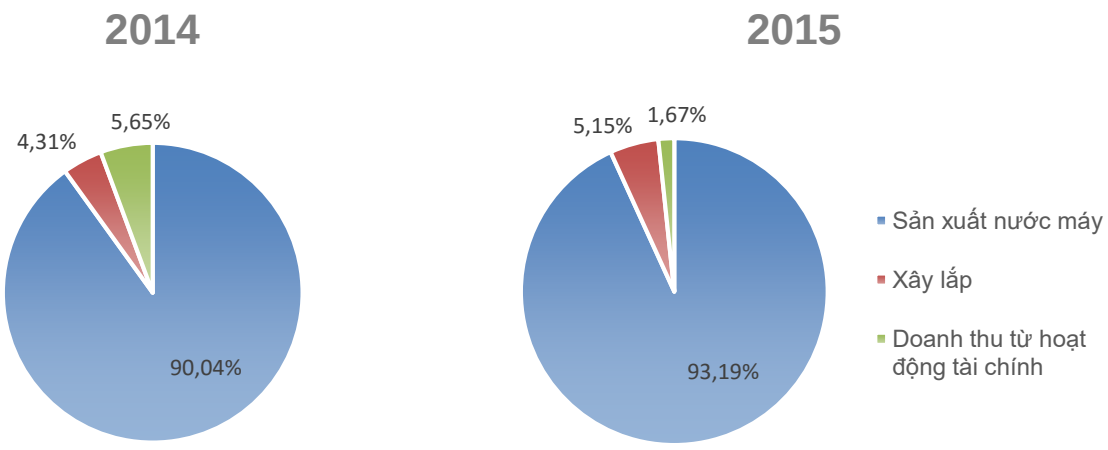

Ghi chú: Các chỉ tiêu trên chưa ghi nhận khoản lãi do chênh lệch tỷ giá chưa thiện hiện

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện của các Công ty con và Công ty liên kết

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CTCP Cấp nước Nhơn Trạch			CTCP Cấp nước Long Khánh			CTCP DV&XD Cấp nước Đồng Nai		
			KH 2015	TH 2015	% so KH	KH 2015	TH 2015	% so KH	KH 2015	TH 2015	% so KH
1	**Sản lượng nước**										
a	Sản lượng nước sản xuất	1000 m^3	11.896	12.737	107	3.208	3.449	108	4.931	5.146	104
	- Nước sạch sản xuất	"	*6.421*	*8.208*	*128*	*3.208*	*3.449*	*108*	*4.405*	*4.665*	*106*
	- Nước thô	"							*526*	*481*	*91*
	- Nước mua qua đồng hồ	"	*5.475*	*4.529*	*83*						
b	Sản lượng ghi thu	1000 m^3	10.944	11.866	108	2.566	2.752	107	4.709	4.910	104
	- Nước ghi thu sản xuất	"	*5.907*	*7.582*	*128*	*2.566*	*2.752*	*107*	*4.198*	*4.443*	*106*
	- Nước ghi thu nước thô	"							*511*	*467*	*91*
	- Nước ghi thu qua mua đồng hồ	"	*5.037*	*4.284*	*85*						
2	**Tỉ lệ thất thoát**	**%**	**8,00**	**6,8**	**-1,2**	**20**	**20,2**	**0,2**	**4,5**	**4,6**	**0,1**
a	Sản xuất nước sạch	"	8,00	7,6	-0,4				4,7	4,8	0,1
b	Sản xuất nước thô	"							2,9	2,9	0,0
c	Mua qua đồng hồ	"	8,00	5,4	-2,6						
3	**Doanh thu**	**Tr/ đồng**	**112.693**	**126.086**	**119**	**26.175**	**36.782**	**140**	**66.855**	**91.326**	**136**
a	Sản xuất nước máy	"	106.693	118.190	111	20.525	22.821	111	26.855	28.095	105
	Sản xuất nước sạch	"	*54.812*	*77.132*	*130*	*20.525*	*22.821*	*111*	*24.555*	*25.990*	*106*
	Sản xuất nước thô								*2.300*	*2.104*	*91*
	Mua qua đồng hồ	"	*51.881*	*41.058*	*91*						
b	Xây lắp	"	5.000	4.510	166	5.000	13.080	262	40.000	63.231	157
c	Doanh thu nước đóng chai					500	668	131			
d	Doanh thu hoạt động tài chính+ khác	"	1.000	7.896	810	150	213	101			
4	**HIỆU QUẢ SXKD**	"	**23.163**	**42.465**	**141**	**5.396**	**7.086**	**118**	**4.900**	**8.124**	**214**
5	**CÁC KHOẢN NỘP NS**	"	**11.751**	**14.230**	**158**	**3.000**	**4.915**	**132**	**3.000**	**9.273**	**309**
6	**THU NHẬP BQ**	"	**6,5**	**7,3**	**112**	**3,7**	**5,3**	**143**	**8,2**	**8,5**	**104**

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu (%)
1	Phan Hùng	Giám đốc	35.200	0,0352
2	Lê Duy Diệp	Phó Giám đốc	5.500	0,0055
3	Nguyễn Văn Bính	Phó Giám đốc	35.700	0,0357
4	Nguyễn Xuân Thỉnh	Phó Giám đốc	5.200	0,0052
5	Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	28.800	0,0288

Ông Phan Hùng – Giám đốc

Năm sinh 1959

Trình độ chuyên môn Cử nhân tài chính

Quá trình công tác:

- 04/2004 – 03/2014: Thành viên HĐTV, Phó Giám đốc Công ty, Giám đốc BQL các dự án cấp nước Đồng Nai - Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 04/2014 – 12/2014: Thành viên HĐTV, Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 01/2015 – nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 15.035.200 (15,04%)

Đại diện nắm giữ: 15.000.000 cổ phần (15%)

Sở hữu cá nhân: 35.200 cổ phần (0,04%)

Ông Lê Duy Diệp - Phó Giám đốc

Năm sinh 1959

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kế toán tổng hợp

Quá trình công tác:

- 04/2004 – 03/2014: Thành viên HĐTV, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 04/2014 – 12/2014: Thành viên HĐTV, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 01/2015 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 10.005.500 (10,01%)

Đại diện nắm giữ: 10.000.000 cổ phần (10%)

Sở hữu cá nhân: 5.500 cổ phần (0,01%)

Ông Nguyễn Văn Bính – Phó Giám đốc

Năm sinh 1960

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế, Kỹ sư cấp thoát nước

Quá trình công tác:

- 07/2005 – 03/2014: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 04/2008 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Long Khánh
- 04/2014 – 12/2014: Thành viên HĐTV, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 01/2015 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 10.035.700 cổ phần (10,04%)

Đại diện nắm giữ: *10.000.000 cổ phần (10%)*

Sở hữu cá nhân: *35.700 cổ phần (0,04%)*

Ông Nguyễn Xuân Thỉnh – Phó Giám đốc

Năm sinh 1959

Trình độ chuyên môn Kỹ sư Điện công nghiệp, Kỹ sư CNTT

Quá trình công tác:

- 2004 – 04/2014: Phó Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc BQL các dự án cấp nước Đồng Nai Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 2008 – 2012: Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Nhơn Trạch
- 05/2014 – 12/2014: Phó Giám đốc Công ty, Giám đốc BQL các dự án cấp nước Đồng Nai - Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 01/2015 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 10.005.200 cổ phần (10,01%)

Đại diện nắm giữ: 10.000.000 cổ phần (10%)

Sở hữu cá nhân: 5.200 cổ phần (0,01%)

Bà Nguyễn Thu Oanh – Kế toán trưởng

Năm sinh 1969

Trình độ chuyên môn Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- 02/2001 – 03/2014: PP. TCKT Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 04/2014 – 12/2014: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 01/2015 – nay: Kế toán trưởng CTCP Cấp nước Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 28.800 cổ phần (0,03%)

Đại diện nắm giữ: 0 cổ phần

Sở hữu cá nhân: 28.800 cổ phần (0,03%)

Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
1	Mai Ngọc Thu	Nguyên Phó Giám đốc Công ty	01/01/2015 (Bổ nhiệm lại)	01/11/2015	Được nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí theo Quyết định số 66/QĐ-HĐQT ngày 22/7/2015

Số lượng cán bộ nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	**Theo trình độ**	**934**	**100%**
1	Trình độ trên đại học	12	1,28%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	460	49,25%
3	Trình độ trung cấp	98	10,49%
4	Công nhân kỹ thuật	74	7,92%
5	Lao động phổ thông	290	31,05%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**934**	**100%**
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	774	82,87%
2	Hợp đồng xác định thời hạn (1-3 năm)	146	15,63%
3	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	7	0,75%
4	Không ký hợp đồng lao động	7	0,75%
C	**Theo giới tính**	**934**	**100%**
1	Nam	626	67,02%
2	Nữ	308	33,98%

Theo trình độ

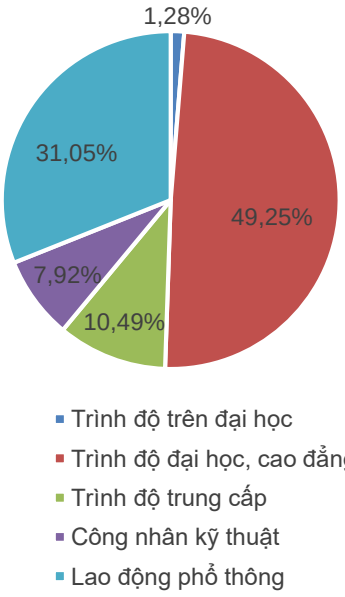

Theo hợp đồng lao động

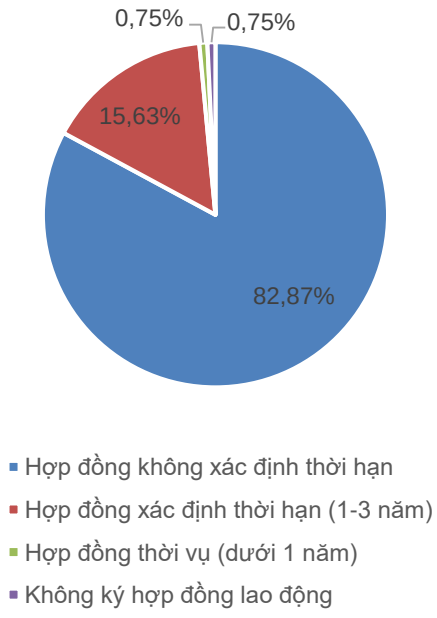

Theo giới tính

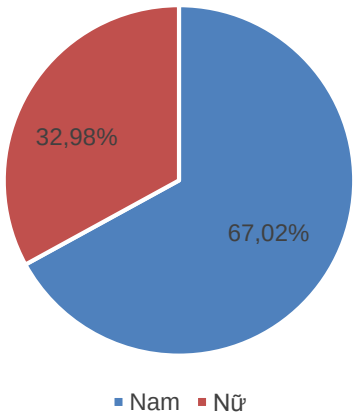

Chính sách cho người lao động

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Bộ phận gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận sản xuất trực tiếp làm việc theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm theo quy định của luật BHXH và được hưởng lương và bảo hiểm xã hội theo quy định. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm các tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý SXKD, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất nước,...từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra.

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu. Nâng cao năng lực cán bộ quản lý, thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, Phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ trẻ, cán bộ có năng lực, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- *Chính sách lương*

Công ty thực hiện phân phối lương theo tính chất và trách nhiệm của người lao động, Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả phụ cấp làm đêm và lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương theo cấp bậc và tay nghề.

- *Chính sách khen thưởng*

Hàng tháng, người lao động được đánh giá, phân loại để làm cơ sở cho việc trả lương và khen thưởng cho người lao động vào cuối năm. Ngoài ra, Công ty thưởng cho người lao động nhân dịp các ngày Lễ lớn như: Tết nguyên đán, Tết Dương lịch, Lễ 30/04 và Quốc tế lao động 01/05, Lễ Quốc khánh 2/9.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, hàng năm, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

- *Bảo hiểm và phúc lợi*

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả những người lao động thuộc diện bắt buộc phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn tham gia bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

- *Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên*

Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cho cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty thực hiện chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên dưới hai hình thức: được mua cổ phiếu giảm giá theo thâm niên công tác và mua cổ phiếu với giá ưu đãi so với giá thị trường theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty.

- *Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên*

Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ. Ngoài ra hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát theo chế độ.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch, giai đoạn 1, công suất 100.000m^3/ngày

Tình hình thực hiện

Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2014. Đang thực hiện kiểm toán độc lập, quyết toán kinh phí bồi thường, lập hồ sơ điều chỉnh tổng mức đầu tư, tổng dự toán, tổng quyết toán công trình.

Tình hình giải ngân

Nguồn vốn đối ứng trong nước: 667 tỷ đồng, trong đó tiền bồi thường giải phóng mặt bằng: 343 tỷ đồng; Chi phí quản lý dự án, tư vấn thiết kế giám sát & chi phí khác: 193 tỷ đồng; Chi phí xây lắp: 131 tỷ đồng.

Kế hoạch thực hiện trong năm 2016

- Thanh toán và quyết toán kinh phí bồi thường giải tỏa đối với 02 địa phương (Biên Hòa, Long Thành).
- Trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tổng mức vốn đầu tư, trên cơ sở đó điều chỉnh dự toán xây dựng công trình.
- Lập hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư.
- Kiểm toán độc lập hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư.
- Thẩm định, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

Dự án HTCN Thiện Tân (giai đoạn 2), công suất 100.000m^3/ngày

Tình hình thực hiện

Tổ chức đấu thầu rộng rãi giữa các nhà thầu Hàn Quốc gói thầu số 1 Xây lắp và cung cấp thiết bị, nhà thầu Kumho Industrial Co.,Ltd trúng thầu thi công. Ngày 19/5/2015 hai bên ký hợp đồng thi công xây lắp và được EDCF chấp thuận theo văn bản số VNM-8/15-380 ngày 29/5/2015. Ngày 25/6/2015 tổ chức lễ khởi công công trình.

Hiệp định vay VNM-8 ngày 23/8/2007 với số tiền vay bằng Won Hàn Quốc tương đương 26 triệu USD đã được EDCF gia hạn ngày rút vốn cuối cùng đến 30/6/2017 (văn bản số VNM-8/15-513 ngày 18/8/2015), ngày hoàn thành dự án VNM-8 được gia hạn đến ngày 21/4/2018 theo Hiệp định vay vốn số VNM-8 (SP).

Nhà thầu Kumho đang triển khai thi công tại công trường các hạng mục của gói thầu số 1 (khu nhà máy xử lý nước, trạm bơm tăng áp…).

Tình hình giải ngân

Thực hiện giải ngân 197,526 tỷ đồng, trong đó: vốn ODA: 189,5 tỷ đồng; Vốn đối ứng trong nước: 8,026 tỷ đồng.

Kế hoạch thực hiện

- Đôn đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất TP. Biên Hòa chi trả bồi thường đợt 1, 2, 3, vận động dân bàn giao mặt bằng nhất là 2 hộ ở trạm bơm tăng áp P. Tân Biên.
- Liên hệ với các cơ quan chức năng huyện Trảng Bom bổ sung hồ sơ kế hoạch sử dụng đất cho dự án qua huyện Trảng Bom năm 2016 để có cơ sở trình phê duyệt phương án bồi thường qua xã Bình Minh, Quảng Tiến, xã đồi 61.
- Phối hợp với nhà thầu xử lý các vướng mắc về mặt bằng trong quá trình thi công.
- Dự kiến giải ngân vốn năm 2016 là 9.375.074 USD tương đương 206 tỷ đồng.

Dự án HTCN Nhơn Trạch (giai đoạn 2), công suất 100.000m3/ngày.

Tình hình thực hiện

UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 12/3/2015 v/v phê duyệt dự án đầu tư dự án HTCN Nhơn Trạch (giai đoạn 2).

UBND huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch bổ sung kế hoạch kiểm đếm theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai.

Ngày 4/7/2015, đại diện hai Chính phủ Việt Nam - Nhật Bản đã ký Hiệp định vay vốn số VN14-P4 cho dự án với số tiền là 14,91 tỷ Yên.

Đang triển khai công tác đấu thầu dịch vụ tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và giám sát. Các công việc đấu thầu đã thực hiện được như sau:

- Kế hoạch đấu thầu chọn nhà thầu tư vấn đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt.
- HSMT đã được JICA xem xét chấp thuận.
- Công ty đã phê duyệt danh sách ngắn chọn nhà thầu, bán hồ sơ mời thầu ngày 1/12/2015, mở thầu ngày 29/1/2016.

Tình hình giải ngân

Thực hiện giải ngân Chi phí Quản lý dự án, tư vấn Thiết kế giám sát và chi phí khác 2,453 tỷ đồng.

Kế hoạch thực hiện

- Tổ chuyên gia đấu thầu chấm thầu gói thầu thiết kế chi tiết, hỗ trợ đấu thầu và giám sát thi công trình Chủ đầu tư và JICA xem xét chấp thuận phần đề xuất kỹ thuật và tài chính.
- Nhà thầu trúng thầu gói thầu tư vấn thiết kế - giám sát thực hiện công tác khảo sát, lập thiết kế chi tiết, tổng dự toán công trình.
- Trình UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thông báo thu hồi đất 4 tuyến ống nhánh qua huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch.
- Phối hợp với Trung Tâm Phát triển Quỹ đất huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch tổ chức họp dân thông báo chủ trương thu hồi đất, kiểm đếm thực tế cho 4 tuyến ống nhánh trên.
- Liên hệ phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2016 cho dự án.
- Kế hoạch giải ngân năm 2016: 62 tỷ đồng (tạm ứng tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và thẩm tra đấu thầu)

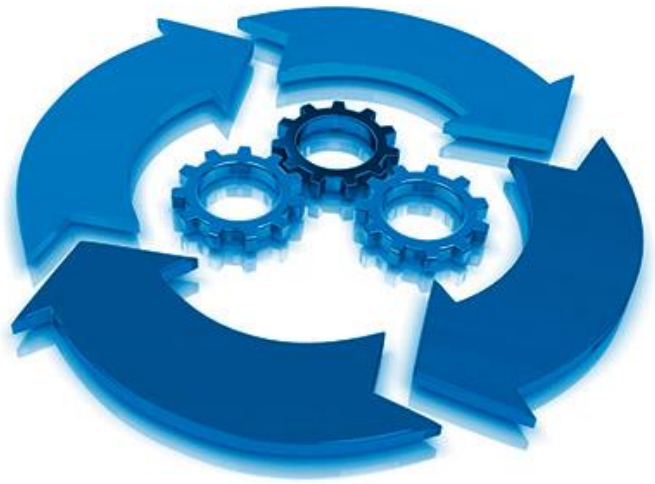

Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn vay trong nước và vốn khác

Các dự án đang trong giai đoạn kết thúc dự án

- **Hệ thống cấp nước thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú**: Hoàn thành lập hồ sơ quyết toán dự án, đã làm việc với Sở Tài chính để thống nhất giá trị thẩm tra quyết toán và thông qua hội đồng tư vấn.
- **Hệ thống cấp nước Hóa An - Tân Hạnh**: Sở Tài chính đã thẩm tra xong và UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt quyết toán dự án tại Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 08/05/2015.
- **Hệ thống cấp nước phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa**: Sở Tài chính đã thẩm tra xong, chốt số liệu và đang trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét, phê duyệt quyết toán dự án.
- **Hệ thống cấp nước phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa**: UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tại Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 12/10/2015.
- **Xây dựng đường ống cấp nước ấp Ông Hường, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, công suất 650m3/ngày**: Công trình đã hoàn thành nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng ngày 13/7/2015. Đơn vị tư vấn đã thực hiện hoàn thành công tác kiểm toán dự án. Hiện nay Công ty đang chờ ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai và Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Nai về xử lý thanh quyết toán và tất toán tài khoản các dự án trước đây sử dụng nguồn vốn ngân sách.
- **Hệ thống cấp nước trường Sỹ quan Lục quân 2**: Công trình hoàn thành nghiệm thu & bàn giao đưa vào sử dụng ngày 29/6/2015, đã hoàn thành kiểm toán dự án. Hiện nay đang chờ ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai và các Sở Ban ngành về công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

Các dự án trong giai đoạn thực hiện dự án: Gồm 08 dự án

- Hệ thống cấp nước thị trấn Trảng Bom.
- Hệ thống cấp nước xã Long Hưng (giai đoạn 2).
- Hệ thống cấp nước phường Tân Phong.
- Mở rộng nhà máy nước Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu.
- Mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc.
- Hệ thống cấp nước xã Long Hưng (giai đoạn 1).
- Hệ thống cấp nước thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu.
- Hệ thống cấp nước Vĩnh Cửu, công suất 15.000m3/ngày.

Các dự án chuẩn bị thực hiện dự án: Gồm 07 dự án.

- HTCN thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ.
- HTCN xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu.
- Dự án Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Tân - Trị An, huyện Vĩnh Cửu.
- Hệ thống cấp nước 03 xã Tân Bình, Bình Lợi và Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu (Công ty sẽ triển khai dự án trong các năm tiếp theo).
- Di dời trạm bơm nước thô Chi nhánh Cấp nước Biên Hòa.
- Xây dựng văn phòng làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
- Xây dựng nhà quản lý điều hành cho Chi nhánh Cấp nước Nhơn Trạch.

Các chi phí cải tạo, sửa chữa, hoàn thiện mặt bằng, mở rộng mạng

- Chi phí cải tạo tuyến ống : 57,563 tỷ đồng.
- Chi phí sửa chữa XDCB : 12,560 tỷ đồng.
- Chi phí hoàn thiện mặt bằng sau thi công : 13,093 tỷ đồng.
- Chi phí Công ty hỗ trợ khách hàng : 3,695 tỷ đồng .
- Chi phí khách hàng đầu tư : 27,589 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính (theo Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2015)

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	Tăng/giảm so với 2014
Tổng tài sản	Triệu đồng	3.049.599	3.271.788	7,29%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	677.825	830.526	22,53%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	222.132	177.473	-20,10%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	31	-98	-410,53%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	222.163	177.375	-20,16%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	173.245	138.766	-19,90%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	-	1.118	-

Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,44	1,17
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,39	1,09
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,60	0,59
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,52	1,46
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,75	12,63
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,24	0,26
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	25,56	16,71
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	19,09	10,92
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	6,18	4,39
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần	%	32,77	21,37

Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh chuyển biến tích cực trong năm 2015. Cụ thể, khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh năm 2015 lần lượt đạt 1,17 vá 1,09, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Hàng tồn kho năm 2015 giảm, khoản trả trước 167 tỷ cho nhà thầu Kumho Industrial, và khoản giảm mạnh trong chi phí thanh toán cho các dự án xây dựng dở dang góp phần cải thiện khả năng thanh toán trong năm của doanh nghiệp.

Cơ cấu vốn

Công ty vẫn tiếp tục duy trì xu hướng giảm tỷ lệ sử dụng nợ trên tổng nguồn vốn qua các năm, nâng cao khả năng chủ động tài chính của doanh nghiệp. Cụ thể, tỷ trọng nợ của Công ty giảm từ 60% (2014) xuống mức 59% ở năm 2015.

Năng lực hoạt động

Mặt hàng nước sản xuất tiêu dùng có đặc thù xoay chuyển nhanh do cơ cấu vận hành khai thác, xử lý, cung cấp nước hoạt động liên tục. Do đó, vòng quay hàng tồn kho Công ty luôn giữ ở mức cao và tăng đều qua các năm. Vòng quay tài sản giữ mức ổn định và cải thiện dần đều trong giai đoạn 2014 – 2015.

Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của doanh nghiệp giảm nhẹ ở năm 2015. Ngành sản xuất kinh doanh chính là mặt hàng nước sản xuất, tiêu dùng, cũng như dịch vụ xây lắp vẫn giữ mức doanh thu và lợi nhuận ổn định qua các năm. Tuy nhiên, sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận từ các hoạt động tài chính trong năm 2015 phần nào ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Năm 2015, lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện giảm nhiều so với năm 2014. Cụ thể, ROE và ROA năm 2015 lần lượt đạt mức 16,71% và 10,92%.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 100.000.000 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.888.800 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 81.111.200 cổ phần

Cơ cấu cổ đông (Tại thời điểm 31/12/2015)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông Nhà nước**	**63.989.100**	**639.891.000.000**	**63,99%**
II	**Cổ đông trong nước**	**36.010.900**	**360.109.000.000**	**36,01%**
	Cổ đông cá nhân	4.814.267	48.142.670.000	4,81%
	Cổ đông tổ chức	31.196.633	311.966.330.000	31,20%
III	**Cổ đông nước ngoài**	**0**	**0**	**0%**
	Cổ đông tổ chức	0	0	0%
	Cổ đông cá nhân	0	0	0%
II	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0%**
	Tổng cộng	**100.000.000**	**1.000.000.000.000**	**100%**

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp (Cổ đông Nhà nước)	Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	63.989.100	639.891.000.000	63,99%
2	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương	Số 11, Ngô Văn Trị, P.Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	15.000.000	150.000.000.000	15,00%
3	Công ty Cổ phần nước Thủ Dầu Một	Số 7, Ngô Văn Trị, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	9.350.000	93.500.000.000	9,35%
4	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	364, Cộng Hòa, P13, Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	6.846.633	68.466.330.000	6,85%
	Tổng cộng		**95.185.733**	**951.857.330.000**	**95,19%**

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có

TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Là một doanh nghiệp sử dụng tài nguyên nước khá lớn trên địa bàn, Công ty xác định việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước là trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, ngoài việc phối hợp với các ngành chức năng để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượmg nguồn nước thô, quan tâm công tác xả thải nhằm hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

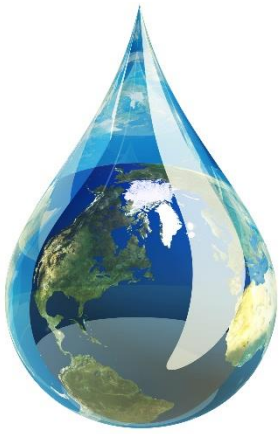

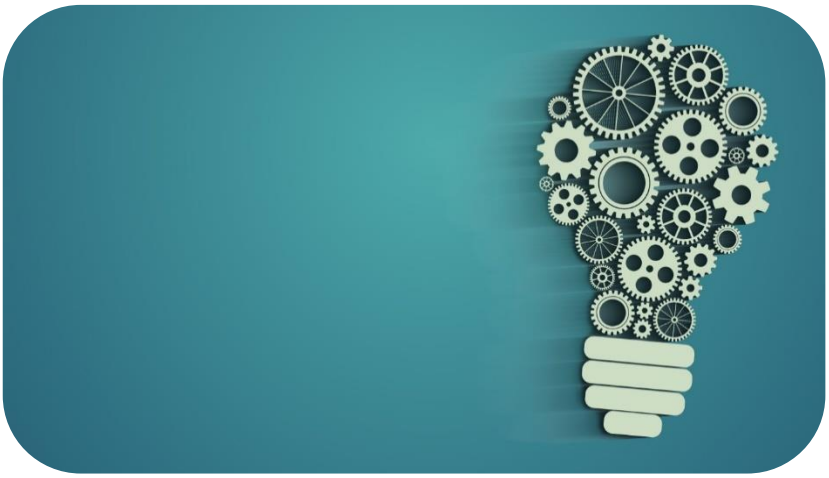

Công ty thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm, công nghệ sản xuất nước sạch của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Ngoài ra các đoàn kiểm tra giám sát về môi trường của tỉnh và cơ quan thẩm quyền thường xuyên đến Công ty kiểm tra đã đánh giá Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo vệ sinh và môi trường.

Công ty đóng góp xây dựng Nhà tình thương “Vạn tấm lòng vàng”, xây dựng công viên tưởng niệm liệt sĩ tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, ủng hộ xây dựng nông thôn mới tại Ấp Bình Phước – xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, giúp đỡ tài trợ những gia đình khó khăn, gia đình liệt sỹ, bà mẹ Việt Nam anh hùng…

Trong thời gian tới, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai sẽ tiếp tục duy trì công tác từ thiện, góp phần chăm lo cho các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn...

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (Số liệu hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/ Giảm so với năm 2014
1	Doanh thu thuần	677.825	830.526	22,53%
2	Giá vốn hàng bán	474.021	536.836	13,25%
3	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp DV	203.804	293.690	44,10%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	222.132	177.473	-20,10%
5	Lợi nhuận khác	31	-97	-412,90%
6	Lợi nhuận trước thuế	222.163	177.375	-20,16%
7	Lợi nhuận sau thuế	173.245	138.766	-19,90%

Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty

Công ty trong năm quyết liệt thực hiện công tác giảm thất thoát nước, các bộ phận nghiệp vụ đã triển khai đồng bộ các công tác trong 6 tháng cuối năm 2015 như: Thay thế ống STK, thay đồng hồ đo lưu lượng của người dân, lắp đặt và thay thế đồng hồ điện từ cho các Chi nhánh Cấp nước và các khách hàng sử dụng nước lớn, thực hiện lắp đặt biến tần cho Chi nhánh sản xuất nước Biên Hòa, Long Bình. Sau khi lắp đặt đồng hồ điện từ các tuyến ống cấp nước ra mạng lưới và lắp đặt biến tần tất cả các bơm của Chi nhánh cấp nước Biên Hòa, Long Bình, nhà máy nước Hóa An 15.000m^3/ngày cũng như điều phối sự vận hành giữa các nhà máy nước: Biên Hòa, Long Bình, Thiện Tân, Nhơn Trạch, Hóa An nên sản lượng nước của nhà máy nước Biên Hòa và Long Bình đã giảm 19.000m^3/ngày nhưng vẫn đảm bảo đủ lượng nước cấp cho khách hàng. Trên cơ sở giảm sản lượng sản xuất của Biên Hòa, Long Bình và sự nỗ lực của bộ phận ghi thu đã xác định được tỷ lệ thất thoát nước trong tháng 12/2015 chỉ còn 19,10%. Sự nỗ lực đó đã góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất (điện năng, hóa chất), cụ thể đối với phần chi phí điện năng của 02 nhà máy Biên Hòa và Long Bình đã giảm như sau:

- Định mức tiêu hao theo quy định của Bộ Xây dựng đối với nhà máy nước có công suất < 50.000m^3/ngày là 0,430 Kwh/m^3 (Biên Hòa) và 0,559Kwh/m^3 của Long Bình.
- Thực tế tiêu hao hiện nay:
  - Nhà máy nước Biên Hòa: 0,271Kwh/m^3.
  - Nhà máy nước Long Bình: 0,176 + 0,329 = 0,505Kwh/m^3.

Các đơn vị trực thuộc sản xuất nước ổn định, các Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch, Long Khánh, Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước đều đạt và vượt kế hoạch ở tất cả các chỉ tiêu đã đề ra.

Chất lượng nước của Công ty mẹ và 03 Công ty cổ phần con/ liên kết đảm bảo đạt 100% theo quy định đối với các mẫu nước khi xét nghiệm các chỉ tiêu vi sinh và lý hóa.

Trong năm Công ty tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu và tổ chức lễ khởi công gói thầu số 1 (Xây dựng và cung cấp thiết bị) thuộc dự án Xây dựng mở rộng hệ thống cấp nước Thiện Tân (giai đoạn 2). Nhà thầu Kumho đang triển khai thi công, các hạng mục của gói thầu số 1 tại công trường. EDCF gia hạn ngày rút vốn cuối cùng đến 30/6/2017 của Hiệp định vay 26 triệu USD (văn bản số VNM-8/15-513 ngày 18/8/2015), ngày hoàn thành dự án VNM-8 được gia hạn đến ngày 21/4/2018 theo Hiệp định vay vốn số VNM-8 (SP).

Thực hiện thẩm tra thẩm định, phê duyệt và thanh toán các chi phí phát sinh của các gói thầu thuộc dự án HTCN Nhơn Trạch (giai đoạn 1).

Chính phủ Việt Nam - Hàn Quốc đã ký Hiệp định vay bổ sung 15 triệu USD cho dự án Hệ thống Cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2 [Hiệp định vay số VNM-8 (SP)].

Dự án HTCN Nhơn Trạch (giai đoạn 2) đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt dự án đầu tư. Hiệp định vay vốn ODA đã được ký kết 14,91 tỉ Yên. Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu dự án HTCN Nhơn Trạch (giai đoạn 2) và trình UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt.

Hoàn thành một số các hạng mục đầu tư, cải tạo, thay thế các tuyến ống STK đã cũ trên địa bàn 7 phường, xã: Tân Vạn, Bửu Hòa, Hóa An, Tân Hạnh, Hiệp Hòa, Bửu Long, Tân Phong để thực hiện công tác phân vùng tách mạng phục vụ cho công tác giảm thất thoát nước. Hoàn thành công tác lắp đặt 26 đồng hồ điện từ cho các Chi nhánh sản xuất nước, thay thế các đồng cơ bằng đồng hồ điện từ cho các khách hàng sử dụng lượng nước lớn của Công ty để xác định chính xác lượng nước bơm ra mạng lưới và lượng nước khách hàng đã sử dụng với số lượng là 103 cái, thay thế các đồng hồ D15mm của các hộ dân cư với số lượng là 4.451 đồng hồ.

UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn cho hệ thống cấp nước của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Quyết định số 2659/QĐ-CN ngày 04/09/2015.

Hoàn thành công tác đấu thầu các gói thầu của dự án: Mở rộng HTCN thị trấn Gia Ray, Xuân Lộc; HTCN xã Vĩnh Tân - Trị An, huyện Vĩnh Cửu; Mở rộng nhà máy nước Vĩnh An (nâng công suất từ 2.000m^3/ngày lên 4.000m^3); HTCN phường Tân Phong; HTCN thị trấn Vĩnh An. Hiện nay các nhà thầu đang triển khai công việc theo Hợp đồng đã ký.

Thực hiện tốt chế độ 4 ngày hoạt động, 1 ngày nghỉ để tăng cường đưa nguồn nước vào hệ thống cấp nước hiện hữu của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.

Ban hành và thực hiện có hiệu quả quy trình lắp đặt hệ thống cấp nước cho khách hàng, công tác ghi thu, Bảo dưỡng bảo trì sửa chữa tuyến ống cấp nước.

Thành lập 9 Chi nhánh, Phòng Quản lý chất lượng nước trực thuộc Công ty trên cơ sở giữ nguyên bộ máy tổ chức hiện tại theo các quy định sau khi doanh nghiệp cổ phần hóa. Thành lập Tổ Thư ký, Phòng Quản lý hệ thống, Chi nhánh Cấp nước Long Thành và ban hành quy chế hoạt động của Phòng Quản lý hệ thống.

Thực hiện công tác xếp nhóm lương sản phẩm cho cán bộ quản lý và thực hiện tiền lương sản phẩm áp dụng 1 nhóm của mã ngạch (chuyên viên - kỹ sư) của Công ty.

Công ty đang phối hợp với đơn vị tư vấn để hoàn thành công tác niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch.

UBND tỉnh Đồng Nai đã tổ chức khảo sát ý kiến người dân về dịch vụ cung cấp nước.

Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các đơn vị trực thuộc liên quan đến việc sử dụng tài nguyên đất trong các dự án, kiểm tra các công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo tốt môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2014	2015	% Tăng/ Giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	403.617	561.545	39,13%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	2.645.982	2.710.242	2,43%
Tổng tài sản	**Triệu đồng**	**3.049.599**	**3.271.787**	**7,29%**

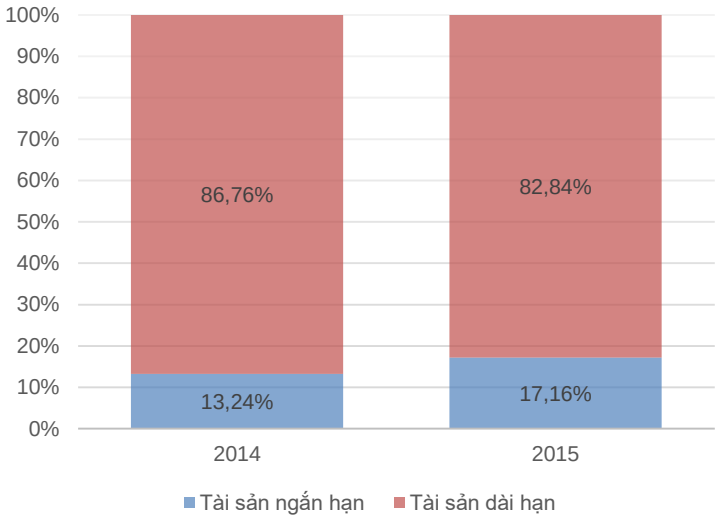

Tình hình tài sản

Năm 2015, tổng tài sản Công ty tăng 7,29% so với năm trước. Cùng với đó là sự thay đổi trong cơ cấu tài sản: tài sản ngắn hạn tăng tỷ trọng từ 13,24% lên 17,16%, tăng 39,13% về mặt giá trị so với năm 2014. Khoản tăng này chủ yếu là từ khoản trả trước trị giá 166,8 tỷ đồng cho nhà thầu Kumho Industrial. Tài sản dài hạn tăng chủ yếu ở các hạng mục tài sản cố định hữu hình và khoản chi phí trả trước từ việc thay thế, lắp đặt đồng hồ điện từ cho khách hàng.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2014	2015	% Tăng/ Giảm
Tổng nợ	Triệu đồng	1.838.241	1.941.301	5,61%
Nợ ngắn hạn	*Triệu đồng*	*910.531*	*479.128*	*-47,38%*
Nợ dài hạn	*Triệu đồng*	*927.710*	*1.462.173*	*57,61%*
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.211.357	1.330.487	9,83%
Tổng nguồn vốn	**Triệu đồng**	**3.049.598**	**3.271.788**	**7,29%**

Tình hình sử dụng vốn

Cơ cấu sử dụng vốn vẫn giữ tỷ trọng tương đối cân bằng trong giai đoạn năm 2014 – 2015. Tổng nợ sử dụng năm 2015 tăng nhẹ 5,61% về mặt giá trị, chủ yếu từ các khoản vay tài chính dài hạn. Điểm đáng lưu ý là nợ ngắn hạn năm 2015 giảm 47,38% so với năm 2014, điều này giúp nâng cao khả năng thanh toán ngắn hạn cũng như thanh toán nhanh của Công ty. Phần giảm nợ ngắn hạn phần nào bù lắp lại khoản nợ vay dài hạn, không làm tổng nợ Công ty tăng quá nhiều. Vốn chủ sở hữu tăng 9,83% so với cùng kỳ chủ yếu là do các khoản lợi nhuận chưa phân phối còn giữ lại của kỳ trước và hiện tại. Việc nâng cao và giữ tỷ trọng vốn chủ sở hữu ổn định là việc luôn được khuyến khích, điều đó cho thấy khả năng tự chủ về nguồn vốn của doanh nghiệp, giảm được các rủi ro và áp lực về lãi suất và khả năng thanh toán.

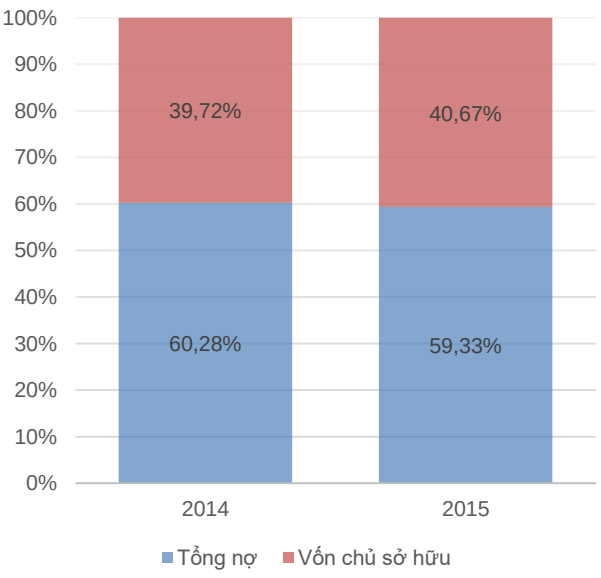

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty mẹ

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
I	**Tổng doanh thu**	**Tr.đồng**	**722.350**	**794.200**
	- Sản xuất nước	Tr.đồng	693.350	763.200
	- Xây lắp	Tr.đồng	20.000	22.000
	- Hoạt động khác	Tr.đồng	9.000	9.000
II	**Tổng chi phí**	**Tr.đồng**	**618.350**	**672.200**
III	**Lợi nhuận trước thuế (III-IV)**	**Tr.đồng**	**104.000**	**122.000**
	- Lãi từ sản xuất kinh doanh	Tr.đồng	104.000	122.000
1	Nộp thuế TNDN	Tr.đồng	20.900	22.600
2	Trích quỹ: (tối thiểu)	Tr.đồng	20.770	24.850
	- Quỹ đầu tư phát triển (15%)	*Tr.đồng*	*12.460*	*14.910*
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	*Tr.đồng*	*8.310*	*9.940*
3	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đồng	62.330	74.550
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6	7
IV	**Phát sinh nộp ngân sách**	**Tr.đồng**	**44.000**	**46.000**
V	**Đầu tư xây dựng cơ bản**	**Tr.đồng**	**441.344**	**388.617**
	HTCN Thiện Tân (giai đoạn 2) - CS 100.000 m^3/ngày	Tr.đồng	398.344	366.617
	HTCN huyện Vĩnh Cửu - CS 15.000 m^3/ngày	Tr.đồng	43.000	22.000
VI	**Tổng quỹ lương**	**Tr.đồng**	**110.296**	**121.312**
VII	**Lao động**	**Người**	**935**	**969**
VIII	**Thu nhập bình quân**	**Tr.đồng**	**9,9**	**10,4**
IX	**Tổng vốn điều lệ**	**Tr.đồng**	**1.000.000**	**1.000.000**
X	**Tổng vốn kinh doanh**	**Tr.đồng**	**1.006.750**	**1.030.090**
XI	**Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ**	**%**	**10,4**	**12,2**

Các giải pháp thực hiện để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh

Về triển khai thực hiện các dự án

Phối hợp chặt chẽ với nhà thầu và đơn vị thi công thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các gói thầu của dự án HTCN Thiện Tân giai đoạn 2.

Triển khai các bước tiếp theo của dự án HTCN Nhơn Trạch giai đoạn 2.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án cấp nước sử dụng vốn vay và vốn khác.

Triển khai dự án Hệ thống cấp nước Gia Tân.

Về điều hành quản lý sản xuất

Tăng cường công tác nâng công suất các nhà máy nước trên cơ sở thực hiện các giải pháp kỹ thuật về hệ thống bơm, hệ thống xử lý, hệ thống đường ống cấp nước. Phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị của Công ty trong việc nhận bàn giao, đấu nối và điều phối, nâng cao sản lượng cấp nước sạch từ các công trình cấp nước.

Quản lý vận hành tốt các nhà máy: Duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị; quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào.

Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định.

Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

Về quản lý khách hàng, gia tăng sản lượng tiêu thu nước

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong toàn Công ty; Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp giao dịch, tiếp xúc với khách hàng nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân.

Tăng cường phát triển khách hàng dọc trục đường Quốc lộ 51, Quốc lộ 1 và các khu dân cư tập trung, khu công nghiệp trên địa bàn huyện Long Thành, huyện Trảng Bom, huyện Thống Nhất, các khu vực nội ô thành phố Biên Hòa và các khu vực đông dân cư khác.

Tăng cường đưa nguồn nước của Công ty vào hệ thống cấp nước hiện hữu của khu vực huyện Nhơn Trạch.

Cải tiến công tác ghi thu tiền nước, giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất.

Về công tác chống thất thoát nước

Thực hiện công tác chống thất thoát nước: Thay thế, cải tạo đường ống cấp nước sắt tráng kẽm bằng ống HDPE, thay thế cải tạo các đường ống cấp nước cũ thường xuyên bị xì, bể và thay thế các đồng hồ cũ chạy không chính xác; thay thế các đồng hồ cơ bằng đồng hồ điện từ.

Thực hiện lắp biến tần tại các Chi nhánh cấp nước nhằm giảm chi phí điện năng tiêu thụ và giảm thất thoát nước.

Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước: đầu tư mới, lựa chọn chủng loại đồng hồ đạt tiêu chuẩn cao; kiểm định đồng hồ ban đầu hoặc định kỳ và thực hiện đồng bộ các giải pháp chống thất thoát nước.

Đầu tư các phần mềm quản lý chạy trên nền công nghệ GIS để quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, quản lý khách hàng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm quản lý mạng lưới cấp nước, nhất là đối với công tác trực 24/24 giờ, đảm bảo phát hiện và sửa chữa nhanh chóng, kịp thời các sự cố ống bể.

Tiết kiệm chi phí điện năng

Vận hành máy bơm nước và các thiết bị xử lý nước vào giờ thấp điểm có giá điện thấp để dự trữ nước tại các bể chứa, sau đó bơm ra mạng lưới vào giờ cao điểm từ bể chứa hạn chế vận hành trạm bơm cấp I vào giờ cao điểm trừ trường hợp thiếu áp phải bơm tăng cường nhằm hạn chế sản lượng điện vào giờ cao điểm có giá điện cao.

Thay thế các máy bơm và các thiết bị điện trong các nhà máy nước có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện lớn bằng máy bơm hao tổn ít điện năng nhằm giảm chi phí tiền điện.

Lắp đặt biến tần và các thiết bị kiểm soát áp lực để hạn chế điện năng tiêu thụ.

Lắp đặt tụ bù và các thiết bị chống sét đảm bảo tiết kiệm điện và an toàn thiết bị.

Phát động phong trào sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giảm chi phí điện, tiết kiệm điện năng.

Hoàn thành các thủ tục về việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty lên sàn Upcom

Dự kiến năm 2016 cổ phiếu DNW sẽ giao dịch trên sàn Upcom.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động Công ty

Đánh giá hoạt động Ban Giám đốc

Kế hoạch và định hướng

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Kết quả hoạt động SXKD	2014	2015	Tăng/Giảm
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	677.851	830.694	22,55%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	677.825	830.526	22,53%
Giá vốn hàng bán	474.021	536.836	13,25%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	203.804	293.690	44,10%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	222.132	177.473	-20,10%
Lợi nhuận khác	31	(97)	(412,90)%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	222.163	177.375	(20,16)%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	173.245	138.766	(19,90)%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	-	1.118	-

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2015 tăng 22,53% so với năm 2014. Tỷ trọng giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ năm trước ở mức 13,25%, dẫn đến lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng tương đối tốt ở mức 44,1%. Tuy nhiên, Công ty giảm mạnh ở khoản doanh thu từ hoạt động tài chính, cụ thể là giảm lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện so với năm 2014. Tổng kết năm 2015, lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 177 tỷ và hơn 138 tỷ (giảm lần lượt 20,16% và 19,9% so với năm trước). Có thể thấy, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác, sản xuất và cung cấp nước vẫn giữ mức phát triển tốt.

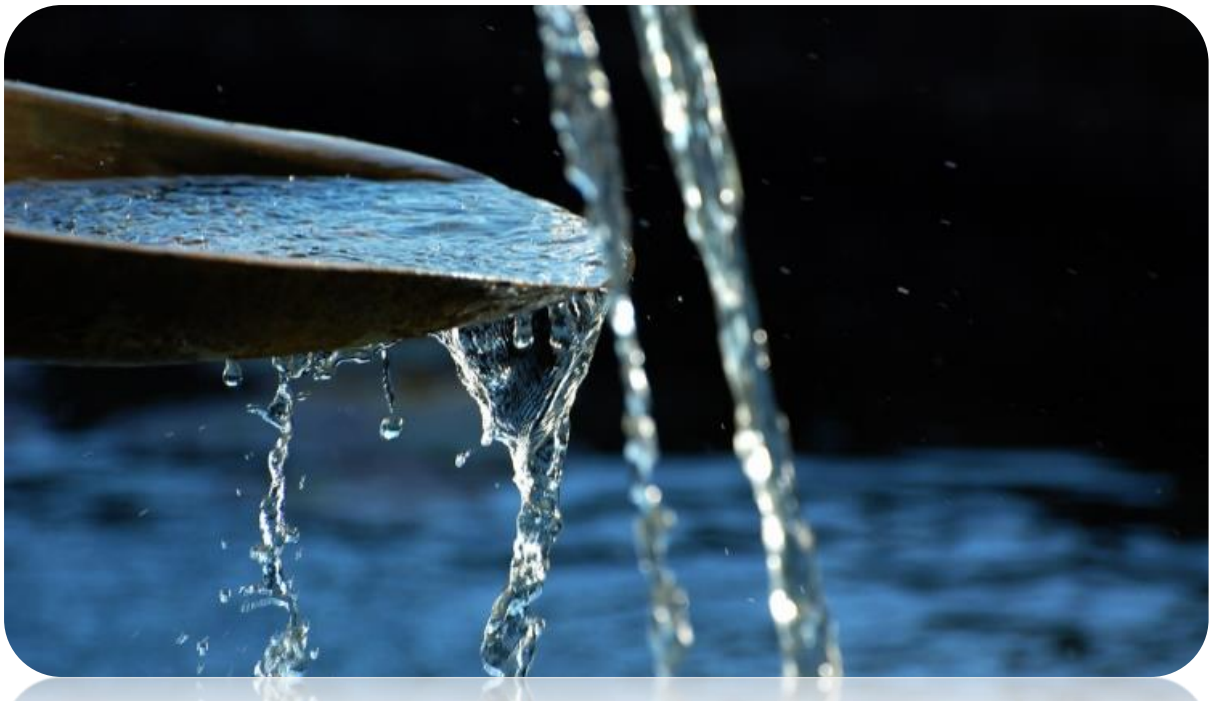

Các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm, Ban lãnh đạo theo sát công tác quản lý các mặt hoạt động của Công ty. Ngoài các công tác thường nhật, trong năm Công ty đã thực hiện được các hạng mục đầu tư, đấu thầu lớn, mở rộng xây dựng các hệ thống cấp nước (Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch, Hệ thống cấp nước Thiện Tân…), hoàn thành các hạng mục đầu tư, cải tạo và thay thế các tuyến ống STK cũ để thực hiện việc phân vùng, tách mạng phục vụ nhằm giảm việc thất thoát nước. Công ty chú trọng hơn trong việc ban hành và thực hiện có hiệu quả quy trình lắp đặt hệ thống cấp nước cho khách hàng, công tác ghi thu, Bảo dưỡng bảo trì sửa chữa tuyến ống cấp nước.

Công ty nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các ban ngành và chính quyền từ Trung ương đến địa phương cũng như Tổng công ty Phát triển KCN đã tạo thuận lợi rất lớn, có tác động tích cực đến những kết quả trên mọi mặt hoạt động của Công ty. Sự quyết tâm thực hiện chức trách nhiệm vụ của Ban lãnh đạo Công ty, sự đoàn kết, đồng thuận, tin tưởng của toàn thể CB.CNV Công ty là đóng góp rất to lớn trong việc thực hiện tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như các mặt hoạt động khác của Công ty trong năm 2015.

Bên cạnh đó, năm 2015 là năm đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty khi hoàn thành quá trình cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/01/2015. Sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà đầu tư, các cổ đông lớn trong việc cải cách thủ tục hành chính, chống thất thoát nước, lắp biến tần… là nguồn động viên lớn cho toàn thể Ban lãnh đạo và CB.CNV Công ty, cho thấy tâm huyết và mong muốn gắn bó vì lợi ích lâu dài với Công ty. Hơn thế, việc đa số cán bộ công nhân viên Công ty đầu được mua cổ phần và trở thành cổ đông của Công ty, sự phát triển của Công ty gắn liền với lợi ích cá nhân mỗi nhà đầu tư nên càng giúp trách nhiệm của mỗi cá nhân được nâng cao rõ rệt.

Tuy nhiên, trong năm Công ty vẫn còn vướng phải các vấn đề khó khăn nhất định. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án đầu tư hệ thống cấp nước gặp rất nhiều khó khăn, thời gian kéo dài.

Áp lực về chỉ tiêu trả cổ tức bắt buộc Công ty phải thực hiện chính sách quản trị doanh nghiệp thật tốt, tính toán và thực hiện giảm tối đa chi phí để tăng lợi nhuận. Nhưng bên cạnh đó vẫn phải đảm bảo nguồn trích KHCB để trả nợ gốc vốn vay, đảm bảo tiền lương cho người lao động và trả lãi vay Ngân hàng.

Nguồn vốn để thực hiện các dự án phát triển mạng trước đây chủ yếu là nguồn vốn Ngân sách. Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ phải tiếp tục thực hiện bằng các nguồn vốn vay tín dụng nên đòi hỏi Công ty phải cân đối, phân kỳ đầu tư, ưu tiên các dự án thực hiện trước nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của nhân dân và hiệu quả kinh tế.

Tình hình giá cả các mặt hàng: Hóa chất, nhiên liệu và điện năng có chiều hướng tăng làm cho chi phí sản xuất tăng (giá điện bắt đầu tăng từ tháng 3/2015).

Tỷ lệ thất thoát sau khi lắp đặt đồng hồ điện từ và biến tần đã giảm rất nhiều so với những tháng trước và so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên tỷ lệ vẫn còn cao so với Công ty Cấp nước Bình Dương và Công ty Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu. Đây là nội dung đã được đặt ra để tiếp tục phấn đấu trong năm 2016 và năm 2017.

Hoạt động của Ban Giám đốc

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2015, Hội đồng quản trị luôn theo sát và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện đúng theo kế hoạch đã được thông qua. Nhìn chung, trong năm 2015, Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành. Ban Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Ban Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh cũng như trình bày phương hướng hoạt động để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thông qua báo cáo hàng quý. Từ đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, luôn trong thế chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty một cách sớm nhất.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phát huy những kết quả đã đạt được, tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016. Thực hiện tốt nhiệm vụ an ninh quốc phòng trong đơn vị, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn nguồn nước cung cấp và một số nội dung cần tập trung chỉ đạo như sau:

- Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt công tác chống thất thoát nước: Thay thế, cải tạo các hệ thống đường ống cấp nước và đồng hồ cũ; thay thế các đồng hồ cơ bằng đồng hồ điện tử (D≥50) của khách hàng theo kế hoạch. Thực hiện lắp biến tần tại các Chi nhánh Cấp nước còn lại nhằm giảm chi phí điện năng tiêu thụ và trên cơ sở đó góp phần giảm thất thoát nước.
- Hoàn thành các thủ tục về việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty lên sàn UPCoM.
- Phối hợp tốt với nhà thầu và đơn vị thi công thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các gói thầu của Dự án HTCN Thiện Tân giai đoạn 2; Triển khai các bước tiếp theo của Dự án HTCN Nhơn Trạch giai đoạn 2; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án cấp nước sử dụng vốn vay ưu đãi lãi suất theo chủ trương của Tỉnh. Thực hiện các bước để triển khai dự án Hệ thống cấp nước Gia Tân.
- Phối hợp với các Sở, ban ngành, chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các trường hợp tái lấn chiếm đất của tuyến ống cấp nước; Quyết toán chi phí bồi thường; lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư; điều chỉnh tổng mức vốn đầu tư; kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư; thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của dự án Nhơn Trạch 1.
- Tiếp tục triển khai các thủ tục đầu tư dự án Nhà văn phòng làm việc Công ty, nhà làm việc Chi nhánh Cấp nước Nhơn Trạch.
- Tăng cường công tác phát triển khách hàng dọc trục đường Quốc lộ 51 và các khu dân cư tập trung, khu công nghiệp trên địa bàn Huyện Long Thành và các khu vực nội ô thành phố Biên Hòa.
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong toàn Công ty; Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp giao dịch, tiếp xúc với khách hàng nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân. Thực hiện một số giải pháp theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai tại văn bản số 10801/BC -UBND ngày 24/12/2015.
- Tăng cường đưa nguồn nước của Công ty vào hệ thống cấp nước hiện hữu của Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
- Thực hiện quyết toán các công trình đầu tư XDCB, giải ngân theo tiến độ thi công, thanh toán các khoản nợ vay, lãi vay theo quy định.
- Các Công ty cổ phần trực thuộc bảo đảm sản xuất - kinh doanh có hiệu quả, thực hiện các chỉ tiêu đã đề ra.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách Thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu (%)
1	Vũ Văn Học	Chủ tịch	4.900	0,0049
2	Phan Hùng	Thành viên	35.200	0,0352
3	Lê Duy Diệp	Thành viên	5.500	0,0055
4	Nguyễn Văn Bính	Thành viên	35.700	0,0357
5	Nguyễn Xuân Thỉnh	Thành viên	5.200	0,0052
6	Nguyễn Văn Thiền	Thành viên	-	-
7	Võ Văn Bình	Thành viên	-	-

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện tại Công ty chưa thành lập các tiểu ban

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Vũ Văn Học	Chủ tịch	10/10	100%
2	Phan Hùng	Thành viên	10/10	100%
3	Lê Duy Diệp	Thành viên	10/10	100%
4	Nguyễn Văn Bính	Thành viên	10/10	100%
5	Nguyễn Xuân Thỉnh	Thành viên	10/10	100%
6	Nguyễn Văn Thiền	Thành viên	10/10	100%
7	Võ Văn Bình	Thành viên	10/10	100%

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2015

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT và ban hành các nghị quyết như sau:

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	29/12/2014	QĐ V/v Bổ nhiệm Giám đốc C.ty CP cấp nước ĐN
2	02/QĐ-HĐQT	31/12/2014	QĐ V/v Bổ nhiệm Phó Giám đốc C.ty CP cấp nước ĐN
3	03/QĐ-HĐQT	31/12/2014	QĐ V/v Bổ nhiệm Phó Giám đốc C.ty CP cấp nước ĐN
4	04/QĐ-HĐQT	31/12/2014	QĐ V/v Bổ nhiệm Phó Giám đốc C.ty CP cấp nước ĐN
5	05/QĐ-HĐQT	31/12/2014	QĐ V/v Bổ nhiệm Phó Giám đốc C.ty CP cấp nước ĐN
6	06/QĐ-HĐQT	31/12/2014	QĐ V/v Bổ nhiệm Kế toán trưởng C.ty CP cấp nước ĐN
7	07/QĐ-HĐQT	12/01/2015	QĐ chấp thuận cho CNV XNN Biên Hòa đi tham quan, du lịch tại Hàn Quốc
8	08/NQ-HĐQT	28/01/2015	NQ-HĐQT căn cứ theo BB họp số 01/BB-HĐQT ngày 28/01/2015 thông qua các nội dung sau: -Thực hiện in ấn, phát hành Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần - Thực hiện công tác lên sàn Upcom và lên sàn chứng khoán Tp.HCM - Lập bản quy chế quản trị nội bộ Công ty và quy chế tài chính công ty - Thành lập các chi nhánh trực thuộc Công ty -Thành lập phòng quản lý hệ thống - Nâng cấp phòng Kiểm nghiệm thành phòng Quản lý chất lượng nước - Thành lập Tổ thư ký HĐQT -Thực hiện công tác chống thất thoát nước - Thông qua triển khai đầu tư dự án xây dựng Văn phòng công ty - Về tiền lương Chủ tịch HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng
9	09/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh Quản lý ghi thu trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
10	10/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Tân Định trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
11	11/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Thiện Tân trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
12	12/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai

13	13/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
14	14/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Vĩnh An trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
15	15/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Long Bình trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
16	16/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Biên Hòa trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
17	17/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai trực thuộc Công ty CP cấp nước ĐN
18	18/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Tổ thư ký HĐQT
19	19/NQ-HĐQT	04/02/2015	Nghị quyết HĐQT Công ty thông qua các nội dung sau: - Thông qua đăng ký 100.000.000 (Một trăm triệu) cổ phiếu của Công ty CP cấp nước Đồng Nai tại TT lưu ký chứng khoán VN theo nghĩa vụ của Công ty Đại chúng và thực hiện đăng ký giao dịch sàn chứng khoán trên sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
20	20/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc P. TCHC
21	21/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc P. TCKT
22	22/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc P. KHKT
23	23/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc Ban Chuyên viên
24	24/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc Ban Kiểm toán
25	25/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc Ban bảo vệ
26	26/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc Đội QLBTSC
27	27/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc Đội xe
28	28/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế Quản lý, sử dụng xe ôtô và canô
29	29/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế công tác văn thư lưu trữ, quản lý và sử dụng con dấu Công ty
30	30/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai
31	31/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Biên Hòa
32	32/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Long Bình
33	33/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Thiện Tân

34	34/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch
35	35/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Xuân Lộc
36	36/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Tân Định
37	37/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Vĩnh An
38	38/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh Quản lý ghi thu
39	39/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Khách sạn Công Đoàn
40	40/QĐ-HĐQT	12/02/2015	QĐ V/v Thành lập Phòng Quản lý chất lượng nước Công ty CP cấp nước Đồng Nai
41	41/QĐ-HĐQT	12/02/2015	QĐ V/v Ban hành quy chế làm việc Phòng Quản lý chất lượng nước
42	42/QĐ-HĐQT	02/03/2015	QĐ V/v Thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng
43	43/QĐ-HĐQT	02/03/2015	QĐ V/v Ban hành quy chế tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng
44	44/QĐ-HĐQT	02/03/2015	QĐ V/v thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật, đầu tư
45	45/QĐ-HĐQT	02/03/2015	QĐ V/v Thành lập Ban Phòng, chống tham nhũng thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
46	46/QĐ-HĐQT	05/03/2015	QĐ V/v ban hành quy chế quản trị của Công ty CP cấp nước Đồng Nai
47	47/QĐ-HĐQT	13/03/2015	QĐ V/v chấp thuận cho CB chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai đi tham quan , du lịch tại các nước Châu Âu
48	48/QĐ-HĐQT	24/03/2015	QĐ V/v chấp thuận cho CNV chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan du lịch tại Ý và Đức
49	49/QĐ-HĐQT	24/03/2015	QĐ V/v chấp thuận cho CNV chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan du lịch tại Singapore
50	50/QĐ-HĐQT	20/03/2015	QĐ V/v thành lập phòng Quản lý hệ thống trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
51	51/QĐ-HĐQT	20/03/2015	QĐ Thành lập chi nhánh cấp nước Long Thành
52	52/QĐ-HĐQT	26/03/2015	QĐ V/v cử nhân sự làm người đại diện phần vốn của công ty cổ phần cấp nước Đống Nai tại công ty CPCN Nhơn Trạch
53	53/QĐ-HĐQT	26/03/2015	QĐ V/v Chấp thuận cho CB chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan, du lịch tại Nhật Bản

54	54/QĐ-HĐQT	26/03/2015	QĐ V/v Chấp thuận cho CNV chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan tại Pháp
55	55/QĐ-HĐQT	09/4/2015	QĐ V/v Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Long Thành
56	56/QĐ-HĐQT	24/4/2015	QĐ V/v chấp thuận cho CB chi nhánh cấp nước Long Bình đi thăm thân nhân tại NewZeland
57	57/QĐ-HĐQT	04/5/2014	QĐ thành lập đoàn kiểm tra hoạt động SXKD tại Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
58	58/QĐ-HĐQT	27/4/2015	NQ V/v Thông qua việc chốt lại danh sách cổ đông để làm thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu Công ty
59	59/NQ-HĐQT	15/5/2015	NQ V/v ủy quyền cho Giám đốc Công ty CP cấp nước Đồng Nai được ủy quyền ký kết hợp đồng gói thầu số 1 – xây lắp và cung cấp thiết bị có giá trị (32.327.843 USD) dự án HTCN Thiện Tân giai đoạn II – Công suất 100.000 m3/ngày
60	60/NQ-HĐQT	15/5/2015	NQ V/v: 1) Triển Khai chương trình chống thất thoát nước. 2) Triển khai tiếp tục Dự án HTCN Gia Tân. 3) Tiếp tục triển khai Dự án HTCN Hồ Cầu Mới. 4)Thực hiện phương án quảng cáo cho thuê KS Công Đoàn.
61	61/QĐ-HĐQT	18/5/2015	QĐ V/v Ban hành Quy chế làm việc của Phòng Quản lý hệ thống
62	62/QĐ-HĐQT	02/6/2015	QĐ V/v Thành lập Ban tổ chức Lễ Khởi Công xây dựng HTCN Thiện Tân (giai đoạn 2)
63	63/QĐ-HĐQT	10/6/2015	QĐ V/v thành lập ban chỉ đạo tổng điều tra lực lượng dân quân tự vệ Công ty năm 2015
64	64/QĐ-HĐQT	15/6/2015	QĐ V/v Chấp thuận cho cán bộ Chi nhánh cấp nước Long Bình đi tham quan du lịch tại Campuchia
65	65/QĐ-HĐQT	01/7/2015	QĐ V/v Chấp thuận cho CB.CNV Chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan du lịch tại Campuchia
66	66/QĐ-HĐQT	22/7/2015	QĐ V/v Chế độ hưu trí Phó Giám đốc Công ty (Bà Mai Ngọc Thu)
67	67/QĐ-HĐQT	08/9/2015	QĐ V/v xếp mức lương để đóng bảo hiểm đối với Cán bộ lãnh đạo Công ty
68	67/NQ-HĐQT	16/9/2015	NQ V/v Ban hành cơ chế về Quản lý dự án đầu tư xây dựng
69	68/QĐ-HĐQT	18/9/2015	QĐ V/v nâng bậc lương cho CB.CNV năm 2015
70	69/QĐ-HĐQT	07/10/2015	QĐ chấp thuận cho CB.CNVC (Ông Lê Trung Kiên) Chi nhánh cấp nước Long Bình đi tham quan du lịch tại Nhật Bản

71	71/NQ-HĐQT	23/10/2015	NQ HĐQT V/v chuyển nhượng 36% vốn của Công ty đầu tư vào Công ty CPCN Hồ Cầu Mới
72	72/QĐ-HĐQT	12/11/2015	QĐ HĐQT V/v chấm dứt làm người đại diện vốn Nhà nước của Công ty tại công ty CPCN Hồ Cầu Mới
73	73/QĐ-HĐQT	01/12/2015	QĐ V/v chấp thuận cho cán bộ Đội xe đi tham quan du lịch tại Singapore
74	74/QĐ-HĐQT	23/12/2015	QĐ V/v Công nhận các tập thể và cá nhân các Công ty cổ phần trực thuộc Công ty " Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" năm 2015
75	75/QĐ-HĐQT	28/12/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai trực thuộc Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc Công ty

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động. Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 đề ra.
- Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.
- Hàng quý, Giám đốc Công ty lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị; đồng thời qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có biện pháp chỉ đạo kịp thời; Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty.
- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu (%)
1	Nguyễn Tấn Dũng	Trưởng Ban kiểm soát	14.600	0,0146
2	Phạm Thị Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
3	Tăng Tố Vân	Thành viên Ban kiểm soát	-	-

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai. Tiến hành công tác giám sát kiểm toán nội bộ, kiểm tra kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính quý, năm 2015 một cách thận trọng, chính xác, đảm bảo quyền lợi cổ đông.

Giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BGĐ và BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Lương / Thù lao	Thưởng	Cộng
I	**Hội đồng quản trị**			
1	Vũ Văn Học	714.332.000	50.153.600	764.485.600
2	Phan Hùng	72.000.000	-	72.000.000
3	Lê Duy Diệp	72.000.000	-	72.000.000
4	Nguyễn Văn Bính	72.000.000	-	72.000.000
5	Nguyễn Xuân Thỉnh	72.000.000	-	72.000.000
6	Nguyễn Văn Thiền	72.000.000	-	72.000.000
7	Võ Văn Bình	72.000.000	-	72.000.000
II	**Ban kiểm soát**			
1	Nguyễn Tấn Dũng	362.726.000	4.200.000	366.926.000
2	Phạm Thị Hồng	48.000.000	-	48.000.000
3	Tăng Tố Vân	48.000.000	-	48.000.000
III	**Ban điều hành**			
1	Phan Hùng	651.287.000	45.995.600	697.282.600
2	Nguyễn Xuân Thỉnh	638.574.000	42.546.000	681.120.000
3	Nguyễn Văn Bính	594.594.750	42.546.000	637.140.750
4	Lê Duy Diệp	590.035.000	42.546.000	632.581.000
5	Mai Ngọc Thu	549.450.000	42.546.000	591.996.000
6	Nguyễn Thu Oanh	522.435.000	29.960.000	552.395.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương	Tổ chức có 2 thành viên tham gia HĐQT: ông Nguyễn Văn Thiền, ông Võ Văn Bình và 1 thành viên tham gia Ban Kiểm soát: bà Tăng Tố Vân.	20.000.000	20,00%	15.000.000	15,00%	Bán
2	Công ty Cổ phần Tân Thanh	Tổ chức có 2 thành viên tham gia HĐQT: ông Nguyễn Văn Thiền, ông Võ Văn Bình và 1 thành viên tham gia Ban Kiểm soát: bà Tăng Tố Vân.	1.000.000	1,00%	0	0,00%	Bán
3	Công ty Cổ phần nước Thủ Dầu Một	Tổ chức có 2 thành viên tham gia HĐQT: ông Nguyễn Văn Thiền, ông Võ Văn Bình và 1 thành viên tham gia Ban Kiểm soát: bà Tăng Tố Vân.	4.000.000	4,00%	9.350.000	9,35%	Mua
4	Mai Ngọc Thu	Nguyên Phó Giám đốc Công ty	3.400	0,003%	13.400	0,013%	Mua
5	Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng Công ty	17.500	0,02%	28.800	0,03%	Mua
6	Nguyễn Tấn Dũng	Trưởng Ban kiểm soát	4.800	0,005%	14.600	0,015%	Mua
7	Vũ Nguyễn An	Con ruột ông Vũ Văn Học - CT.HĐQT	0	0,00%	50.000	0,05%	Mua
8	Vũ Hoài Nam	Em ruột ông Vũ Văn Học - CT.HĐQT	6.600	0,007%	17.600	0,018%	Mua
9	Lê Vũ Tuấn Anh	Con ruột ông Lê Duy Diệp - TV.HĐQT, PGĐ Công ty	0	0,00%	10.000	0,01%	Mua

10	Nguyễn Tiến Chương	Em ruột ông Nguyễn Văn Bính - TV.HĐQT, PGĐ Công ty	6.300	0,006%	26.300	0,026%	Mua
11	Nguyễn Thế Kỷ	Em ruột ông Nguyễn Văn Bính - TV.HĐQT, PGĐ Công ty	5.000	0,005%	35.000	0,035%	Mua
12	Nguyễn Thị Tú Anh	Em ruột ông Nguyễn Tấn Dũng - Trưởng BKS	4.100	0,004%	7.300	0,007%	Mua

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch với Công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH TM DV Kỹ thuật D&B	• Hợp đồng số DA109/2015/DB/HĐ ngày 08/7/2015 v/v cung cấp tủ điều khiển bơm tự động cho CNCN Biên Hòa. • Hợp đồng số DA112/2015/DB/HĐ ngày 21/7/2015 v/v cung cấp tủ điều khiển bơm tự động cho CNCN Biên Hòa. • Hợp đồng số DA115/2015/DB/HĐ ngày 10/8/2015 v/v cung cấp tủ điều khiển bơm tự động cho CNCN Biên Hòa. • Hợp đồng số DA126/2015/DB/HĐ ngày 24/8/2015 v/v cung cấp tủ điều khiển bơm tự động cho CNCN Biên Hòa. • Hợp đồng số DA131/2015/DB/HĐ ngày 31/8/2015 v/v cung cấp tủ điều khiển bơm tự động. • Hợp đồng số DA137/2015/DB/HĐ ngày 14/9/2015 v/v cung cấp tủ điều khiển bơm tự động cho CNCN Long Bình. • Hợp đồng số DA139/2015/DB/HĐ ngày 28/9/2015 v/v cung cấp tủ điều khiển bơm tự động cho CNCN Long Bình.	Tổ chức có ông Võ Văn Bình TV.HĐQT Dowaco, giữ chức Chủ tịch HĐTV.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2015

Ý kiến của Cơ quan kiểm toán

Báo cáo tài chính và Thuyết minh Báo cáo tài chính

RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

www.rsm.com.vn

Số: 16.109 HN/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gởi: **Các Cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 25 tháng 01 năm 2016 từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 30 tháng 03 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

LỤC THỊ VÂN
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số:0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số:0544-2013-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**561.545.397.534**	**403.616.738.365**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**223.545.058.293**	**234.706.376.708**
1. Tiền	111		59.851.214.483	160.855.705.919
2. Các khoản tương đương tiền	112		163.693.843.810	73.850.670.789
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**297.095.005.513**	**96.543.431.474**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	86.775.428.591	82.938.372.398
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	208.384.945.089	10.084.474.987
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	4.277.582.059	5.863.534.315
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.3	(2.342.950.226)	(2.342.950.226)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**38.622.216.531**	**46.360.731.116**
1. Hàng tồn kho	141	5.7	38.622.216.531	46.360.731.116
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.283.117.197**	**26.006.199.067**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.290.660.844	9.321.278.457
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		515.184.460	15.251.048.838
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		477.271.893	1.433.871.772
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**2.710.242.313.275**	**2.645.981.865.708**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.753.316.818**	**1.753.316.818**
6. Phải thu dài hạn khác	216		1.753.316.818	1.753.316.818
II. Tài sản cố định	**220**		**2.561.843.349.209**	**1.566.177.525.321**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.536.811.628.996	1.541.129.721.725
- Nguyên giá	222		3.759.598.671.738	2.580.983.901.104
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.222.787.042.742)	(1.039.854.179.379)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	25.031.720.213	25.047.803.596
- Nguyên giá	228		27.055.949.338	26.915.949.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.024.229.125)	(1.868.145.742)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**112.683.295.623**	**1.058.861.132.339**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	112.683.295.623	1.058.861.132.339
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**12.875.003.431**	**13.524.124.780**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	10.335.280.941	10.454.402.290
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	3.069.722.490	3.069.722.490
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(530.000.000)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**21.087.348.194**	**5.665.766.450**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	20.291.136.060	4.645.299.554
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	796.212.134	1.020.466.896
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**3.271.787.710.809**	**3.049.598.604.073**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.941.300.387.637**	**1.838.241.150.113**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**479.127.637.149**	**910.531.162.904**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	24.998.877.244	42.375.709.055
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.704.068.454	4.014.188.672
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	19.986.113.577	33.344.798.014
4. Phải trả người lao động	314		7.320.793.211	7.089.359.993
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.900.093.429	5.116.252.085
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	24.827.430.541	467.285.003.391
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	376.767.470.597	331.720.167.579
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.622.790.096	19.585.684.115
II. Nợ dài hạn	**330**		**1.462.172.750.488**	**927.709.987.209**
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		7.440.282.725	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	219.486.424.695	49.464.715.262
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	1.235.246.043.068	878.245.271.947
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.330.487.323.172**	**1.211.357.453.960**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	5.17.1	**1.329.679.361.110**	**1.210.484.088.150**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.17.2	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.240.361.167	18.240.479.075
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.235.766.100)	(64.235.766.100)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		179.486.291	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.030.009.579	34.423.416.050
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421		237.805.277.465	129.748.298.034
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		102.609.315.448	129.748.298.034
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		135.195.962.018	-
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		101.659.992.708	92.307.661.091
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**807.962.062**	**873.365.810**
1. Nguồn kinh phí	431		807.962.062	873.365.810
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**3.271.787.710.809**	**3.049.598.604.073**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THANH TÂM	NGUYỄN THU OANH	PHAN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	830.693.510.317	677.850.531.027
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	167.069.152	25.805.847
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		830.526.441.165	677.824.725.180
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	536.836.200.187	474.021.157.242
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		293.690.240.978	203.803.567.938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	52.144.303.925	171.772.351.588
7. Chi phí tài chính	22	6.5	53.736.580.579	44.160.103.410
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*52.299.685.334*	*40.493.811.659*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.924.846.311	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	66.906.385.076	56.909.723.560
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	50.643.764.656	52.374.113.844
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		177.472.660.903	222.131.978.712
12. Thu nhập khác	31		5.600.834.251	1.355.495.628
13. Chi phí khác	32		5.698.523.854	1.324.036.397
14. Lợi nhuận khác	40		(97.689.603)	31.459.231
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		177.374.971.300	222.163.437.943
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	38.384.927.379	48.667.195.491
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		224.254.762	251.164.129
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		138.765.789.159	173.245.078.323
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		120.338.472.147	151.210.192.562
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		18.427.317.012	22.034.885.761
21. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	5.17.4	1.118	-

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THANH TÂM	NGUYỄN THU OANH	PHAN HÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**177.374.971.300**	**222.163.437.943**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		176.554.887.657	162.024.632.070
Các khoản dự phòng	03		530.000.000	(1.059.525.195)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(44.795.445.421)	(136.795.309.230)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.285.495.891)	13.655.012.681
Chi phí lãi vay	06		52.299.685.334	40.747.200.881
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**351.678.602.979**	**300.735.449.150**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(160.177.315.044)	87.912.692.254
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.738.514.585	(4.549.963.415)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(309.354.684.553)	373.949.264.259
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(15.645.836.506)	(1.948.689.294)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(46.771.348.897)	(41.324.246.951)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(48.925.756.805)	(25.272.633.957)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.886.993.112	1.622.866.895
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.685.165.912)	(7.743.650.951)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(227.255.997.041)**	**683.381.087.990**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(232.915.348.705)	(673.767.937.962)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		35.500.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.339.000.000	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.172.114.677	4.965.695.358
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(226.368.734.028)**	**(658.802.242.604)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	952.458.217.641	822.582.641.292
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(504.127.330.877)	(711.926.714.457)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(5.867.474.110)	(12.538.695.808)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**442.463.412.654**	**98.117.231.027**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**		**(11.161.318.415)**	**122.696.076.413**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**234.706.376.708**	**112.010.300.295**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**		**223.545.058.293**	**234.706.376.708**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THANH TÂM	NGUYỄN THU OANH	PHAN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2744/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp Nước Đồng Nai thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2014.

Công ty đã đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sàn giao dịch Upcom và được cấp mã chứng khoán DNW tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2015/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.000.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

ĐVT: Nghìn đồng

Nhà đầu tư	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công nghiệp	639.891.000	63,99%	639.891.000	63,99%
Các nhà đầu tư khác	360.109.000	36,01%	360.109.000	36,01%
Cộng	**1.000.000.000**	**100%**	**1.000.000.000**	**100%**

Vốn pháp định theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 6.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 934 nhân viên (31/12/2014: 1.039 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác nước sạch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế công trình cấp nước, thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình, thiết kê công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp nước.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Số lượng các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp:

STT	Tên công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Cộng ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, Số 319B, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	52,44%	52,44%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Số 02 Bis, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	51,00%	51,00%

1.6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Số 52 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	36%	36%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong kỳ, Nhóm công ty đã áp dụng các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.

4.2 Áp dụng các Hướng dẫn kế toán mới

Nhóm công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kế thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4.3 Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Nhóm công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ những thay đổi do áp dụng hướng dẫn kế toán mới như được nêu tại mục 4.2.

4.4 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.5 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.7 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.8 Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là khoản chi phí trả trước dài hạn trên bảng Cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí đánh giá lại tài sản cổ phần hóa, chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng kho còn phải phân bổ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 20 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
+ Tài sản cố định khác	10 năm

4.11 Tài sản cố định vô hình

Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là các giá trị quyền sử dụng diện tích đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao của lô đất từ 20 đến 46 năm.

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Chi phí quy hoạch bản đồ được khấu hao trong 04 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.12 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.13 Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.14 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Nhóm công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Nhóm công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá

phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

4.15 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư các pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.17 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá trị tài sản, nợ phải trả được chuyển thành vốn lớn hơn giá trị phần vốn được tính là vốn góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam

4.18 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty trong công ty liên doanh liên kết.

4.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.21 Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.22 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.23 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.24 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp nước: 5%
- Dịch vụ lắp đặt: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.25 Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

4.26 Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.3, từ năm 2015, Nhóm công ty đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một vài số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích):

		VND
	Đầu năm (Được báo cáo lại)	**Đầu năm** (Đã được báo cáo trước đây)
Tài sản		
Phải thu khác	-	7.036.406.836
Phải thu ngắn hạn khác	5.863.534.315	-
Phải thu dài hạn khác	1.753.316.818	-
Tài sản ngắn hạn khác	1.433.871.772	2.014.316.069
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.020.466.896	1.249.599.560
Nguồn vốn		
Vay và nợ ngắn hạn	-	187.693.867.048
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	331.720.167.579	-
Vay và nợ dài hạn	-	1.022.271.572.478
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	878.245.271.947	-
Phải trả ngắn hạn khác	467.285.003.391	99.589.359.729
Phải trả dài hạn khác	49.464.715.262	417.160.358.924
Quỹ dự phòng tài chính	-	3.094.017.958
Quỹ đầu tư phát triển	34.423.416.050	31.329.398.092
Lợi nhuận chưa phân phối	129.748.298.034	129.977.430.698

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

		VND
Tên chỉ tiêu	**TT 200**	**CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC**
Tạm ứng, ký quỹ, ký cược	Trình bày là phải thu ngắn hạn khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác

4.27 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	188.563.699	262.871.880
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.662.650.784	160.592.834.039
Các khoản tương đương tiền	163.693.843.810	73.850.670.789
Cộng	**223.545.058.293**	**234.706.376.708**

5.3. Phải thu của khách hàng

VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Hoạt động cung cấp nước	74.516.960.070	-	72.494.890.899	-
Hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt	12.258.468.521	2.342.950.226	10.443.481.499	2.342.950.226
Cộng	**86.775.428.591**	**2.342.950.226**	**82.938.372.398**	**2.342.950.226**
Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 9				
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	5.573.475	-	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	1.719.825	-	1.377.010	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	679.650	-	150.554.275	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	322.625	-	-	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	-		21.332.730	
Cộng	**8.295.575**	**-**	**173.264.015**	**-**

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Nhà thầu Kumho Industrial	166.826.752.397	-
Trả trước cho các đối tượng khác	41.558.192.692	10.084.474.987
Cộng	**208.384.945.089**	**10.084.474.987**
Trong đó, trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan – Xem thêm mục 8		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	7.852.046.647	7.852.046.647
Cộng	**7.852.046.647**	**7.852.046.647**

5.5. Phải thu khác

VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu tiền tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên	924.801.764	-	2.183.974.096	-
Phải thu Ngân sách tiền công trình di dời cầu bơm Xí nghiệp nước Biên Hòa	596.199.500	-	934.644.000	-
Tạm ứng bồi thường cho các hộ dân thuộc dự án cấp nước Nhơn Trạch	1.454.792.617	-	571.163.825	-
Phải thu khác	1.301.788.178	-	2.173.752.394	-
Cộng	**4.277.582.059**	**-**	**5.863.534.315**	**-**

5.6. Nợ xấu

VND

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Vạn Phúc	2.271.119.074	-	Trên 03 năm	2.271.119.074	-	Trên 03 năm
Khách hàng khác	71.831.152	-	Trên 03 năm	71.831.152	-	Trên 03 năm
Cộng	**2.342.950.226**	**-**		**2.342.950.226**	**-**	

5.7. Hàng tồn kho

VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	37.641.610.088	-	45.252.166.905	-
Công cụ, dụng cụ	286.946.214	-	685.909.187	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	669.386.876	-	392.245.646	-
Thành phẩm	24.273.353	-	30.409.378	-
Cộng	**38.622.216.531**	**-**	**46.360.731.116**	**-**

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Hệ thống cấp nước Xã Long Hưng, TP. Biên Hòa giai đoạn 2 - 20.400m3/ngày	26.129.241.789	21.694.551.516
Dự án cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2	26.776.519.856	15.029.319.371
Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	10.371.725.927	-
Hệ thống cấp nước Thị trấn Trảng Bom	10.387.287.590	10.204.153.687
Hệ thống cấp nước 5 Xã Kiệm Tân và Đô thị Dầu Giây	5.963.776.415	-
Cải trạo trạm bơm Tân Hưng Hòa	5.236.638.175	-
Dự án cấp nước Nhơn Trạch	313.871.950	963.824.140.834
Hệ thống cấp nước Phường Bửu Hòa	-	18.566.727.343
Dự án khác	27.504.233.921	29.542.239.588
Cộng	**112.683.295.623**	**1.058.861.132.339**

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	506.094.642.211	641.782.045.310	1.410.198.435.935	19.933.114.804	2.975.662.844	2.580.983.901.104
Mua trong năm	1.095.199.000	12.131.559.396	1.103.632.954	931.034.949	-	15.261.426.299
Đầu tư XDCB hoàn thành	164.777.165.990	410.574.853.137	561.200.909.310	20.252.921.109	-	1.156.805.849.546
Tăng khác	-	-	152.157.481.436	-	-	152.157.481.436
Thanh lý, nhượng bán	-	(145.384.162.756)	(177.407.791)	(48.416.100)	-	(145.609.986.647)
Số dư cuối năm	**671.967.007.201**	**919.104.295.087**	**2.124.483.051.844**	**41.068.654.762**	**2.975.662.844**	**3.759.598.671.738**
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	212.535.632.119	248.986.917.139	569.711.596.705	6.584.574.413	2.035.459.003	1.039.854.179.379
Khấu hao trong năm	32.022.111.478	63.953.615.145	76.845.796.812	3.490.439.268	86.841.571	176.398.804.274
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	7.014.406.331	-	-	7.014.406.331
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(431.931.142)	(48.416.100)	-	(480.347.242)
Số dư cuối năm	**244.557.743.597**	**312.940.532.284**	**653.139.868.706**	**10.026.597.581**	**2.122.300.574**	**1.222.787.042.742**
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	293.559.010.092	392.795.128.171	840.486.839.230	13.348.540.391	940.203.841	1.541.129.721.725
Tại ngày cuối năm	**427.409.263.604**	**606.163.762.803**	**1.471.343.183.138**	**31.042.057.181**	**853.362.270**	**2.536.811.628.996**

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.203.896.786.579 đồng – Xem thêm mục 5.13.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 36.285.038.251 đồng.

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

		VND
	Cuối năm	**Đầu năm**
Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ điện từ cho khách hàng	13.527.852.922	4.396.376.011
Chi phí khác	6.763.283.138	248.923.543
Cộng	**20.291.136.060**	**4.645.299.554**

5.12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chuyển nhượng tài sản cố định trong Nhóm công ty.

Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	VND
	Khấu hao TSCĐ
Số dư đầu năm nay	1.020.466.896
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong năm	(224.254.762)
Số dư cuối năm	**796.212.134**

(Xem trang tiếp theo)

5.13. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

VND

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	376.767.470.597	376.767.470.597	728.142.397.483	539.068.793.934	331.720.167.579	331.720.167.579
Vay dài hạn	1.235.246.043.068	1.235.246.043.068	1.490.541.423.618	1.131.748.091.114	878.245.271.947	878.245.271.947
Cộng	**1.612.013.513.665**	**1.612.013.513.665**	**2.218.683.821.101**	**1.670.816.885.048**	**1.209.965.439.526**	**1.209.965.439.526**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Cuối năm (VND)	Đầu năm (VND)	
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Đồng Nai	VND	5,4%/năm - 6%/năm	116.079.835.492	96.083.343.475	(a)
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	VND	5,4%/năm – 5,9%/năm	9.276.694.908	45.141.985.395	(b)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6%/năm – 6,8%/năm	83.925.128.339	46.468.538.178	(c)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	5,4%/năm	21.666.949.944	-	(d)
Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Công Thương		7,5%/năm - 9,5%/năm	45.823.792.600	12.946.177.552	(f)
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7,8%/năm – 8,4%/năm	13.634.000.000	14.286.400.000	(g)
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	8%/năm		6.207.865.411	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi Nhánh Đồng Nai	USD, JPY	3,53%/năm đối với khoản vay USD 1,5%/năm đối với khoản vay JPY	85.782.485.980	110.585.857.568	(h)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,27%/năm – 6,51%/năm	578.583.334	-	(i)
Cộng			**376.767.470.597**	**331.720.167.579**	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Năm đáo hạn	Cuối năm (VND)	Đầu năm (VND)	
Khoản vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công Thương	VND	7,5%/năm - 9,5%/năm	2021	182.406.482.792	89.504.394.205	(f)
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7,8%/năm – 8,4%/năm	2018	41.766.733.566	41.070.523.273	(g)
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	9% /năm	2021	7.852.046.647	-	(k)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi Nhánh Đồng Nai	USD, JPY	3,53%/năm đối với khoản vay USD 1,5%/năm đối với khoản vay JPY	2028	988.037.929.653	747.670.354.469	(h)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,27%/năm – 6,51%/năm	2022	6.364.416.666	-	(i)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	7,5%/năm	2026	8.818.433.744	-	(j)
Cộng				**1.235.246.043.068**	**878.245.271.947**	

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

(a) Khoản vay được đảm bảo bằng:

+ Một phần Nhà máy nước Thiện Tân theo Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TT1 ngày 10/07/2011.
+ Hệ thống cấp nước Thạnh Phú. Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TP ngày 10/07/2011.
+ Quyền sử dụng đất tại Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số O934404 do UBND Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/03/2000.
+ Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 757312604100101 do Sở Xây Dựng cấp ngày 23/4/2009 theo Hợp đồng thế chấp số 14.31.300039704/HĐTC-BĐS-DOWACO ngày 14/08/2014.

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

+ Một phần nhà máy nước Thiện Tân.
+ Công trình hệ thống cấp nước Thạnh Phú.
+ Một phần tài sản hình thành từ dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1.
+ QSD đất tại P. Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đnai theo GCN QSD đất số O934404; Quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở tại P. Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSH nhà ở và QSD đất ở số 747312604100101.

(g) Khoản vay được đảm bảo bằng:

+ Tuyến ống cấp nước công suất 3.100 m3/ngày đêm tại khu phố 3,4 phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa.
+ Toàn bộ tài sản thuộc dự án đầu tư thiết bị máy bơm ly tâm trục đứng Q = 1.000m3/h cho trạm bơm nước thô Xí nghiệp nước Biên Hòa.
+ Tuyến ống chuyển tải cấp nước công suất 6.800m3/ ngày đêm cho Khu dân cư Khu phố 9, 11, Phường Tân Phong, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
+ 02 máy bơm dự phòng cho Xí nghiệp nước Thiện Tân.
+ 09 máy bơm cho Xí nghiệp nước Biên Hoà, Vĩnh An, Xuân Lộc.
+ Nhà làm việc Xí nghiệp nước Xuân Lộc tại Thị trấn Gia Ray, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai.
+ Hệ thống cấp nước thị trấn Định Quán và hệ thống cấp nước phường Tân Biên, TP Biên Hoà.

(h) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch.

(k) Khoản vay được đảm bảo bằng dự án công trình hệ thống cấp nước Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, công suất 7.000m3/ngày, thuộc loại công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình cấp III.

Các hợp đồng tại mục (b), (c), (d), (i) và (j) là các khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Giá trị còn lại của các tài sản đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm mục Thuyết minh 5.9 và 5.10

5.14. Phải trả người bán

VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	7.358.883.652	7.358.883.652	4.447.005.901	4.447.005.901
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Đức Hùng	3.988.297.500	3.988.297.500	-	-
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	3.269.904.000	3.269.904.000	1.072.500.000	1.072.500.000
Phải trả cho các đối tượng khác	10.381.792.092	10.381.792.092	36.856.203.154	36.856.203.154
Cộng	**24.998.877.244**	**24.998.877.244**	**42.375.709.055**	**42.375.709.055**
Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 9				
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	7.358.883.652	7.358.883.652	4.447.005.901	4.447.005.901
Cộng	**7.358.883.652**	**7.358.883.652**	**4.447.005.901**	**4.447.005.901**

5.15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.060.605.619	612.492.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.722.187.652	25.797.833.164
Thuế thu nhập cá nhân	526.023.690	573.061.335
Thuế tài nguyên	444.725.212	554.701.675
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.680.173.743
Các khoản phí, lệ phí	2.232.571.404	2.126.535.505
Cộng	**19.986.113.577**	**33.344.798.014**

5.16. Phải trả khác

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Tiền nước chưa quyết toán	9.689.354.914	10.202.479.937
Lợi nhuận chuyển về công ty mẹ còn phải trả - Xem thêm thuyết minh mục 9	8.641.828.689	-
Phí bảo vệ môi trường	2.147.370.687	2.379.382.035
Kinh phí công đoàn	1.614.060.660	1.617.140.864
Thu hộ Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai	628.530.000	434.725.314
Khoản thanh toán liên quan các dự án xây dựng cơ bản dở dang	-	367.695.643.662
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.106.285.591	84.955.631.579
Cộng	**24.827.430.541**	**467.285.003.391**
Dài hạn:		
Phải trả nhà thầu Kumho – dự án Thiện Tân giai đoạn 2	166.993.578.976	-
Phải trả ngân sách	37.661.623.300	32.753.790.300
Phải trả nhà thầu Dohwa – dự án Thiện Tân giai đoạn 2	11.672.106.399	3.996.453.355
Phải trả dự án di dời trạm nước thô Biên Hòa	1.905.000.000	1.905.000.000
Khoản tài trợ từ Công ty Kolon Contruction	-	1.224.630.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.254.116.020	9.584.841.207
Cộng	**219.486.424.695**	**49.464.715.262**

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

ĐVT: Nghìn đồng

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu										
	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	320.907.986	-	2.688.209	-	48.978.301	2.660.868	-	32.202.840	117.781.123	77.167.525	602.386.852
Tăng vốn trong năm trước	679.092.014	-	-	-	-	-	-	-	-	-	679.092.014
Đánh giá lại khoản đầu tư vào các công ty con	-	-	-	(64.235.766)	-	-	-	-	-	-	(64.235.766)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	151.210.193	-	22.034.886	173.245.079
Trích lập quỹ trong năm trước	-	-	-	-	11.853.654	433.150	-	(12.286.804)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(14.336.361)	-	(2.102.450)	(16.438.811)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.792.300)	(4.792.300)
Tăng do xác định lại giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	-	-	-	-	-	-	163.178.981	-	-	-	163.178.981
Giảm do xác định lại giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	-	-	-	-	(25.248.147)	-	(163.178.981)	(19.363.701)	(117.781.123)	-	(325.571.952)
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(7.739.837)	-	-	(7.739.837)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	291.101	-	-	291.101
Xác định giá trị doanh nghiệp(*)	-	-	15.552.270	-	(4.254.410)	-	-	-	-	-	11.297.860
Trình bày lại	-	-	-	-	3.094.018	(3.094.018)	-	(229.133)	-	-	(229.133)
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000	-	18.240.479	(64.235.766)	34.423.416	-	-	129.748.298	-	92.307.661	1.210.484.088

5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

ĐVT: Nghìn đồng

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu										
	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000	-	18.240.479	(64.235.766)	34.423.416	-	-	129.748.298	-	92.307.661	1.210.484.088
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	120.338.472	-	18.427.317	138.765.789
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	1.606.594	-	-	(1.606.594)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(1.417.531)	-	(1.302.499)	(2.720.030)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-	(662.385)	-	(600.744)	(1.263.129)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.170.000)	(7.170.000)
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(8.641.829)	-	-	(8.641.829)
Tăng/Giảm khác	-	179.486	(118)	-	-	-	-	46.845	-	(1.742)	224.472
Số dư cuối năm	**1.000.000.000**	**179.486**	**18.240.361**	**(64.235.766)**	**36.030.010**	**-**	**-**	**237.805.277**	**-**	**101.659.993**	**1.329.679.361**

(*) Căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai để bàn giao vốn cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại thời điểm 31/12/2014.

5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Nghìn đồng

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Vốn góp của công ty mẹ	639.891.000	63,99%	639.891.000	63,99%
Vốn góp của các đối tượng khác	360.109.000	36,01%	360.109.000	36,01%
Cộng	**1.000.000.000**	**100%**	**1.000.000.000**	**100%**

5.17.3. Cổ phiếu

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	100.000.000	100.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

5.17.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

VND

	Năm nay
Lãi sau thuế của cổ đông của Nhóm công ty	120.338.472.147
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(8.539.802.472)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**111.798.669.675**
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	100.000.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu(*)	**1.118**

(*) Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2014.

5.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
Đô la Mỹ (USD)	5.467,20	5.472,26

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước	775.032.929.701	644.730.096.156
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	55.660.580.616	33.120.434.871
Cộng	**830.693.510.317**	**677.850.531.027**
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 9		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	69.334.656.674	63.104.707.601
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	52.655.617.770	31.948.429.275
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	667.675.782	335.415.062
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	648.945.177	528.989.499
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	550.219.663	179.296.073
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	464.006.920	44.948.170
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	337.222.780	208.869.325
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	102.307.450	213.881.043
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	68.167.325	151.867.588
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai	17.991.750	18.044.145
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	13.529.520	10.549.640
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	8.524.615	5.002.270
Cộng	**124.868.865.426**	**96.749.999.691**

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản hàng bán bị trả lại.

6.3. Giá vốn hàng bán

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	490.481.824.719	443.853.951.039
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	46.354.375.468	30.167.206.203
Cộng	**536.836.200.187**	**474.021.157.242**
Trong đó, giá vốn hàng bán đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 9		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	80.055.429.648	67.667.382.518
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	108.300.000	515.945.500
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	-	1.160.000
Cộng	**80.163.729.648**	**68.184.488.018**

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	44.795.445.421	140.461.600.981
Cổ tức, lợi nhuận được chia	197.455.500	1.242.487.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.847.666.749	225.550.795
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.802.703.915	3.680.912.712
Lãi bán các khoản đầu tư	501.032.340	26.161.799.600
Cộng	**52.144.303.925**	**171.772.351.588**

6.5. Chi phí tài chính

Chủ yếu là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

6.6. Chi phí bán hàng

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	25.386.948.219	16.542.769.459
Chi phí bằng tiền khác	21.748.206.776	18.877.223.334
Chi phí nhân viên	18.250.018.654	17.983.227.523
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.521.211.427	3.506.503.244
Cộng	**66.906.385.076**	**56.909.723.560**

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	30.927.816.319	28.689.772.598
Chi phí khác bằng tiền	8.899.853.995	9.831.077.281
Thuế, phí và lệ phí	4.397.951.187	8.218.394.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.287.818.299	931.658.221
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.130.324.856	4.703.211.266
Cộng	**50.643.764.656**	**52.374.113.844**

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

VND

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	27.364.710.150	35.481.769.985
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	9.434.816.087	11.921.266.524
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	1.585.401.142	1.264.158.982
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**38.384.927.379**	**48.667.195.491**

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	86.586.922.420	87.475.592.668
Chi phí nhân công	170.839.332.029	133.891.303.579
Chi phí khấu hao tài sản cố định	177.718.627.312	166.722.058.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.883.984.754	166.856.800.615
Chi phí khác bằng tiền	97.129.837.685	28.359.238.886
Cộng	**654.158.704.200**	**583.304.994.646**

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	952.458.217.641
Cộng	**952.458.217.641**

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	504.127.330.877
Cộng	**504.127.330.877**

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm công ty là: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước. Ngoài ra, Nhóm công ty không hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nào khác. Do đó, Nhóm công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

Doanh thu của Nhóm công ty được thực hiện trong khu vực Tỉnh Đồng Nai. Do đó, Nhóm công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Nhóm công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và các cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Tổng Công ty Phát Triển Khu Công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
4. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
5. Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
8. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	Công ty cùng tập đoàn
9. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng tập đoàn
10. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
11. Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	Công ty cùng tập đoàn
12. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng tập đoàn
13. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng tập đoàn
14. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
15. Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu – Xem thêm mục 5.3				
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	5.573.475	-	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	1.719.825	-	1.377.010	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	679.650	-	150.554.275	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	322.625	-	-	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	-		21.332.730	
Cộng	**8.295.575**	**-**	**173.264.015**	**-**

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	8.520.372	8.520.372
Cộng	**8.520.372**	**8.520.372**

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 5.4		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	7.852.046.647	7.852.046.647
Cộng	**7.852.046.647**	**7.852.046.647**

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả khác - Xem thêm mục 5.16		
Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp	8.641.828.689	-
Cộng	**8.641.828.689**	**-**

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 6.1		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	69.334.656.674	63.104.707.601
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	52.655.617.770	31.948.429.275
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	667.675.782	335.415.062
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	648.945.177	528.989.499
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	550.219.663	179.296.073
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	464.006.920	44.948.170
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	337.222.780	208.869.325
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	102.307.450	213.881.043
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	68.167.325	151.867.588
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai	17.991.750	18.044.145
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	13.529.520	10.549.640
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	8.524.615	5.002.270
Cộng	**124.868.865.426**	**96.749.999.691**

VND

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng - Xem thêm mục 6.3		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	80.055.429.648	67.667.382.518
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	108.300.000	515.945.500
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	-	1.160.000
Cộng	**80.163.729.648**	**68.184.488.018**

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc:

VND

	Năm nay	Năm trước
Giám đốc	697.282.600	723.569.000
Thu nhập các nhân viên quản lý chủ chốt khác	2.978.706.687	2.335.573.857
Thù lao Hội đồng quản trị	432.000.000	338.300.000
Cộng	**4.107.989.287**	**3.397.442.857**

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Giám đốc Nhóm công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 01 năm 2016.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THANH TÂM	NGUYỄN THU OANH	PHAN HÙNG

Chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của Công ty

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3600259296 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Phan Hùng